

nghĩ, gần gũi nhau, mà gặp khi họ hoặc bị trói, hoặc bị đánh, hoặc bị trách, hoặc bị giết, thì tôi sẽ cảm thấy buồn thương khổ não. Còn nếu những người kia đối với tôi mà không có dục, không có tham, không có ái, không có nghĩ và gần gũi nhau; khi gặp họ bị trói, đánh, trách, giết, thì làm sao tôi có thể sanh lòng buồn thương khổ não được?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Cho nên ông phải biết, mọi cái khổ của chúng sanh được phát sanh, tất cả chúng đều do từ dục làm gốc: dục phát sanh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sanh ra các thứ khổ.

“Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu ông cùng cha mẹ nuôi⁴¹ mà không gặp⁴² nhau, thì có sanh lòng tham dục thương nhớ không?”

Thôn trưởng nói:

“Bạch Thế Tôn, không!”

“Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu hoặc thấy, hoặc nghe cha mẹ nuôi, ông có sanh lòng dục, thương nhớ không?”

Thôn trưởng nói:

“Bạch Thế Tôn, có vậy!”

Lại hỏi:

“Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu cha mẹ nuôi kia bị vô thường biến khác, ông có sanh lòng buồn thương khổ não không?”

Thôn trưởng nói:

“Bạch Thế Tôn, có vậy! Nếu cha mẹ nuôi bị vô thường biến khác, thì tôi sẽ khổ đến gần chết được, đâu phải chỉ buồn thương khổ não!”

Phật bảo thôn trưởng:

“Cho nên ông phải biết, nếu các chúng sanh có được cái khổ phát sanh, thì tất cả đều do ái dục làm gốc: dục phát sanh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sanh ra các thứ khổ.”

⁴¹. Hán: y phụ mẫu 依父母; nghĩa không rõ. Ngô Từ Pháp sư giải, y phụ mẫu: ch? người con; sau khi sanh được đưa cho người khác nuôi. Bản Pāli, Bhadra có người con trai tên Ciravāsi. Phật hỏi: “Ông và mẹ của Ciravāsi nếu chưa thấy nhau ông có sanh dục tâm, nhiễm tâm, ái tâm đối với mẹ của Ciravāsi không?” Có thể bản Hán đọc là Civaramātā, mẹ của một người tên Civara tức y 衣 = y phục (thay vì viết là 依 y tựa).

⁴². Có thể hiểu, chưa hề biết nhau.

Thôn trưởng nói:

“Lạ thay! Thế Tôn đã khéo nói thí dụ về cha mẹ nuôi như vậy. Tôi có cha mẹ nuôi, nhưng sống tại nơi khác⁴³. Hằng ngày tôi sai người thăm hỏi, vấn an sức khỏe thế nào. Khi họ đi chưa về tôi đã lấy làm lo lắng khổ sở, huống chi là lại bị vô thường mà không lo lắng khổ đau sao được!”

Phật bảo thôn trưởng:

“Cho nên Ta nói mọi lo khổ của chúng sanh, tất cả đều do dục làm gốc rễ: dục phát sanh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sanh ra lo khổ.”

Phật bảo thôn trưởng tiếp:

“Nếu có bốn ái niệm, mà bị vô thường biến khác, thì sẽ phát sanh ra bốn ưu khổ. Nếu có một hoặc hai, ba ái niệm bị vô thường biến khác, sẽ phát sanh một hoặc hai, ba ưu khổ.

“Này thôn trưởng, nếu tất cả đều không có ái niệm, sẽ không có trần lao ưu khổ.”

Rồi Thế Tôn nói kệ rằng:

*Nếu không có ái niệm thế gian,
Thì không lo trần lao ưu khổ;
Tiêu diệt hết tất cả ưu khổ,
Giống như hoa sen không dính nước.*

Trong khi Phật nói pháp này, thôn trưởng Kiệt-đàm xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, thoát khỏi mọi nghi hoặc, không nhờ vào người khác, không do người khác độ, được vô sở úy ở trong Chánh pháp luật; từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

“Con đã được độ, đã siêu việt, bạch Thế Tôn, từ hôm nay con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo; suốt đời con làm Ưu-bà-tắc. Xin Ngài nhớ nghĩ gia hộ con.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, thôn trưởng Kiệt-đàm nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

**
*

⁴³. Bản Pāli: có con trai tên là Ciravāsi sống tại một nơi khác. Liên hệ Ciravāsi và Cīvaramāta, xem ch.41 trên.

KINH 914. ĐAO SƯ THỊ (I)⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, một ngàn vị Ưu-bà-tắc và năm trăm người xin đồ ăn dư⁴⁵, du hành trong nhân gian; đi khắp từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, đến trong vườn Hảo y Yêm-la, thôn Na-la⁴⁶, nước Ma-kiệt-đề. Bấy giờ có thôn trưởng đệ tử của Ni-kiền tên là Đao Sư Thị⁴⁷ đến chỗ Ni-kiền lễ sát chân Ni-kiền, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy Ni-kiền nói với thôn trưởng Đao Sư Thị:

“Ông có thể dùng ‘Tật-lê luận’⁴⁸ bàn luận cùng với Sa-môn Cù-đàm, để làm cho Sa-môn Cù-đàm nói cũng không được, không muốn nói cũng không được, được chăng?”

Thôn trưởng thưa:

“Thưa thầy, thế nào là luận thuyết ‘Tật-lê luận’ có thể làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, mà không muốn nói cũng không được?”

Ni-kiền bảo thôn trưởng rằng:

“Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi như vậy: ‘Cù-đàm lúc nào cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng đầy đủ phước-lợi, Ngài thường có mong ước như vậy và nói như vậy phải không?’ Nếu trả lời cho ông là không, thì ông nên hỏi rằng: ‘Vậy, Sa-môn Cù-đàm có khác gì với kẻ phàm ngu si?’ Nếu trả lời là ‘Có mong ước và có nói,’ thì ông nên hỏi lại rằng: ‘Nếu Sa-môn Cù-đàm đã có mong ước và có nói như thế, vậy tại sao người dân hiện đang mất mùa đói kém, mà Ngài còn du hành trong nhân gian dẫn theo một ngàn hai trăm năm

⁴⁴. Pāli, S. 42.9 Kulam. Cf. N^o100(129).

⁴⁵. Bản Pāli: tại Nālandā lúc đó đang có nạn đói.

⁴⁶. Na-la tụ lạc Hảo y Yêm-la viên 那羅聚落好衣菴羅園. Pāli: Nālandāyaṃ Pāvarikambavane.

⁴⁷. Đao Sư Thị 刀師氏. Pāli: Asibandhakaputta.

⁴⁸. Tật-lê luận 瘡癩論, nghĩa theo Hán văn, tật-lê là loại cỏ gai, trái nó nhiều gai, khi bám vào người thì rất khó gỡ. Pāli: ubhatokoṭṭika pañha, câu hỏi có hai đầu nhọn.

mười chúng Tỳ-kheo, một ngàn vị Ưu-bà-tắc và năm trăm người ăn xin đi từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, làm hao tổn của cải người dân, giống như mưa lớn, mưa đá, chỉ có làm tổn hại chứ chẳng thêm được lợi ích nào! Những lời nói của Cù-đàm trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau, không gần giống nhau, không phù hợp nhau, khác nhau.’ Thôn trưởng, như vậy gọi là ‘Tật-lê luận’, sẽ làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, không muốn nói cũng không được.”

Bấy giờ, thôn trưởng Đạo Sư Thị vâng lời dạy bảo của Ni-kiền đi đến chỗ Phật cung kính chào hỏi; sau khi cung kính chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, có phải lúc nào Ngài cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước lợi không?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Lúc nào Như Lai cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước lợi và cũng thường nói như vậy.”

Thôn trưởng nói:

“Nếu như vậy, thì tại sao, thưa Cù-đàm, trong khi những người dân đang bị mất mùa đói kém, mà Ngài còn đi khất thực trong nhân gian và dẫn theo đông đảo đại chúng,... cho đến trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Ta nhớ chín mươi mốt kiếp từ trước đến nay, không thấy một người nào mà bố thí cho Tỳ-kheo lại bị cạn kiệt, hay bị tổn giảm cả. Nay thôn trưởng, ông nhìn xem hiện nay có người giàu sang, nhiều tiền của, quyền thuộc đông đảo, tôi tớ đầy nhà, thì biết nhà ấy lâu dài ưa thích bố thí, chân thật tích chứa⁴⁹, nên được phước lợi này. Nay thôn trưởng, có tám nguyên nhân khiến cho phước lợi người tổn giảm không tăng. Những gì là tám? Đó là bị vua bức hiếp, bị giặc cướp lấy, bị lửa đốt cháy, bị nước cuốn trôi, bị tiêu hao vì giấu cất, bị kẻ nợ không trả, bị kẻ oán thù tàn phá, bị hoang phí bởi con hư. Đó là tám nguyên nhân khiến cho tiền của khó tích tụ. Nay thôn trưởng, Ta nói vô thường là

⁴⁹. Hán: chân thật tích ch? 眞實寂止. Tham chiếu Pāli: saccasambhūtāni (tài sản ấy) được phát sanh một cách chân thật.

nguyên nhân thứ chín. Như vậy, này thôn trưởng, ông đã bỏ đi chín nhân, chín duyên trên mà nói Sa-môn Cù-đàm phá hoại nhà người. Nếu ông không bỏ những lời nói ác, không bỏ ác kiến, thì cũng như gươm ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung, ông sẽ sanh vào trong địa ngục.”

Bấy giờ, thôn trưởng Đạo Sư Thị lòng đâm ra sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng lên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hiện tại con đã hối lỗi rồi, vì con như ngu như si, không tốt, không hiểu biết, nên đối với Cù-đàm con đã nói ra những lời dối trá hư vọng không thành thật.”

Sau khi nghe những gì Phật dạy, thôn trưởng Đạo Sư Thị hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 915. ĐẠO SƯ THỊ (2)⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Hảo y Yêm-la, tại thôn Na-la. Bấy giờ có thôn trưởng Đạo Sư Thị, trước đây là đệ tử của Ni-kiền, đi đến chỗ Ni-kiền lễ sát chân Ni-kiền, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Ni-kiền bảo thôn trưởng:

“Ông có thể dùng ‘Tật-lê luận’ bàn luận cùng với Sa-môn Cù-đàm, để làm cho Sa-môn Cù-đàm nói cũng không được, không muốn nói cũng không được, được chăng?”

Thôn trưởng thưa Ni-kiền:

“Thưa thầy⁵¹, thế nào là luận thuyết. ‘Tật-lê luận’ có thể làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, mà không muốn nói cũng không được?”

Ni-kiền bảo thôn trưởng:

“Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm nói như vậy: ‘Cù-đàm không thường muốn an ủi tất cả chúng sanh và khen ngợi an ủi tất cả chúng sanh phải không?’ Nếu nói là không, thì ông nên nói rằng:

⁵⁰. Pāli, S. 42.7 Desanā. Cf. N^o100(130).

⁵¹. Hán: a-lê 阿梨. Pāli: ayya, cách xưng hô của người nhỏ với người lớn.

‘VẬY, CÙ-ĐÀM CÓ KHÁC GÌ VỚI KẸ PHÀM NGU SI?’ Nếu trả lời là thường muốn an ủi tất cả chúng sanh và khen ngợi an ủi tất cả chúng sanh, thì ông nên hỏi lại rằng: ‘Nếu muốn an ủi tất cả chúng sanh, vậy thì vì sao chỉ vì một hạng người này nói pháp mà không vì một hạng người kia mà nói pháp?’ Hỏi như vậy thì đó gọi là ‘Tật-lê luận’ sẽ làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, không muốn nói cũng không được.”

Bấy giờ, thôn trưởng Đạo Sư Thị được sự khuyến khích của Ni-kiên rồi, đi đến chỗ Phật cung kính chào hỏi; sau khi cung kính chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, Ngài há không thường muốn an ủi tất cả chúng sanh và khen ngợi nói lời an ủi tất cả chúng sanh?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Lúc nào Như Lai cũng thương xót, an ủi tất cả chúng sanh và lúc nào cũng khen ngợi nói lời an ủi tất cả chúng sanh.”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

“Nếu như vậy, thì tại sao Như Lai chỉ vì một hạng người này nói pháp, mà không vì một hạng người kia nói pháp?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Bây giờ, Ta hỏi ông, ông cứ tùy ý mà đáp cho Ta.

“Này thôn trưởng, thí như có ba loại ruộng: Loại ruộng thứ nhất thì màu mỡ, phì nhiêu; loại ruộng thứ hai thì trung bình; loại ruộng thứ ba thì cằn cỗi.

“Thế nào thôn trưởng, người chủ của những đám ruộng kia, trước tiên cày bừa, gieo giống vào đám ruộng nào?”

Thôn trưởng nói:

“Thưa Cù-đàm, trước tiên là phải cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng màu mỡ phì nhiêu nhất.”

“Này thôn trưởng, kể đến lại phải cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng nào?”

Thôn trưởng nói:

“Thưa Cù-đàm, kể đến cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng trung bình.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Kể đến lại phải cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng nào?”

Thôn trưởng thưa:

“Kế đến cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng cần cỗi xấu nhất.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Vì sao như vậy?”

Thôn trưởng thưa:

“Vì họ không muốn bỏ phế ruộng chỉ giữ lại giống mà thôi!”

Phật bảo thôn trưởng:

“Ta cũng như vậy, như đám ruộng màu mỡ, phì nhiêu kia, các Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni của Ta lại cũng như vậy. Ta thường vì họ mà giảng nói Chánh pháp, lúc đầu, khoảng giữa và sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Sau khi họ nghe pháp rồi, nương vào nhà của Ta, đạo của Ta, sự che chở của Ta, bóng mát của Ta, đường hướng của Ta, lúc nào cũng dùng tịnh nhãn nhìn theo Ta mà sống và tự nghĩ như vậy: ‘Những pháp mà Phật đã nói ra, ta đều thọ trì, luôn luôn đem lại cho ta ý nghĩa lợi ích và sống an ổn an vui.’”

“Này thôn trưởng, như đám ruộng trung bình kia, các đệ tử Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di của Ta cũng lại như vậy. Ta cũng vì họ giảng nói Chánh pháp ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Sau khi họ nghe pháp xong, nương vào nhà của Ta, đạo của Ta, sự che chở của Ta, bóng mát của Ta, đường hướng của Ta, mà lúc nào cũng dùng tịnh nhãn nhìn theo Ta mà sống và nghĩ như vậy: ‘Những pháp Thế Tôn đã nói ra ta đều thọ trì luôn luôn đem lại cho ta ý nghĩa lợi ích, sống an ổn, an lạc.’”

“Này thôn trưởng, như đám ruộng xấu nhất của nhà nông kia, cũng vậy, Ta vì các dị học ngoại đạo Ni-kiền Tử, cũng vì họ mà nói pháp, pháp ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Song đối với những người ít nghe pháp, Ta cũng vì họ mà nói và những người nghe pháp nhiều Ta cũng vì họ mà nói. Nhưng trong số những người này, đối với việc khéo nói pháp của Ta, đạt được một câu pháp mà biết được ý nghĩa của nó, thì cũng lại nhờ nghĩa lợi này mà sống yên ổn an lạc mãi mãi.”

Bấy giờ, thôn trưởng bạch Phật:

“Thật là kỳ diệu, Thế Tôn! Ngài đã khéo nói thí dụ về ba loại ruộng như vậy.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Ông hãy lắng nghe Ta cho thí dụ khác: Như một người có ba loại đồ vật đựng nước: loại thứ nhất không bị thủng, không bị hư, cũng không bị thấm rỉ; loại thứ hai tuy không bị thủng, không bị hư, nhưng bị thấm rỉ; loại thứ ba thì vừa bị thủng, vừa bị hư, lại vừa bị thấm rỉ nữa.

“Thế nào, thôn trưởng, trong ba loại đồ đó người kia sẽ chọn loại nào để đựng nước sạch?”

Thôn trưởng nói:

“Thưa Cù-đàm, trước hết là nên dùng loại không bị thủng, không bị hư, không bị thấm rỉ để đựng nước.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Tiếp đến lại nên dùng loại nào để đựng nước?”

Thôn trưởng nói:

“Thưa Cù-đàm, kế đến nên đem loại không bị thủng, không bị hư, nhưng bị thấm rỉ để đựng nước.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Hai loại kia đã đầy rồi, sau cùng lại dùng loại nào để đựng nước?”

Thôn trưởng nói:

“Sau cùng phải dùng loại vừa bị thủng, bị hư, bị thấm rỉ để đựng nước thôi! Vì sao? Vì chỉ tạm thời dùng vào việc nhỏ trong chốc lát.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Giống như loại đồ của người kia không bị thủng, không bị hư, không bị thấm rỉ, các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta lại cũng như vậy. Ta thường vì họ giảng nói Chánh pháp,... cho đến luôn luôn vì nghĩa lợi, mà sống an ổn an vui.

“Giống như loại đồ thứ hai tuy không bị thủng, không bị hư, nhưng lại bị thấm rỉ, các đệ tử Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di của Ta lại cũng như vậy. Ta thường vì họ giảng nói Chánh pháp,... cho đến luôn luôn vì nghĩa lợi, mà sống an ổn an vui.

“Giống như loại đồ thứ ba vừa bị thủng, bị hư, bị thấm rỉ; các đệ tử dị học ngoại đạo của Ni-kiền lại cũng như vậy. Ta thường vì họ

giảng nói Chánh pháp, ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng, dù nhiều hay ít Ta cũng vì họ mà nói. Nếu đối với một câu nói pháp của Ta mà họ biết được nghĩa của nó, thì cũng được sống an ổn, an vui mãi mãi.”

Lúc thôn trưởng Đào Sư Thị nghe những gì Phật nói, tâm sợ hãi vô cùng, lông toàn thân dựng đứng lên, liền đến trước Phật lễ dưới chân, sám hối những lỗi lầm:

“Bạch Thế Tôn, con như ngu, như si, không tốt, không hiểu biết; đối với Thế Tôn con đã nói những lời lừa dối hư trá không chân thật.”

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ mà lui.

**
*

KINH 916. ĐAO SƯ THỊ (3)⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Hảo y Yêm-la tại thôn Na-la. Bấy giờ có thôn trưởng Đào Sư Thị đệ tử của Ni-kiền, đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy Thế Tôn bảo thôn trưởng:

“Ông muốn bàn luận về những vấn đề gì? Ni-kiền Nhã-đề Tử đã nói những gì?”

Thôn trưởng nói:

“Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục. Vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó⁵³. Cũng vậy, trộm cắp, tà dâm, nói dối cũng đều đọa vào trong địa ngục, vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Nếu như Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục. Vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó. Nếu vậy, sẽ không có chúng sanh đọa vào trong địa ngục! Vậy này thôn trưởng, ý ông thế nào? Những chúng sanh nào bất cứ lúc nào cũng có tâm sát

⁵². Pāli, S. 42.8. Saṅkha.

⁵³. Pāli: yaṃbahulaṃ yaṃbahulaṃ tena tena nyatt ti, nó bị lôi kéo đi bởi những gì mà nó hành nhiều.

sanh? Lúc nào họ lại có tâm không sát sanh,... cho đến lúc nào có tâm nói dối, lúc nào có tâm không nói dối?”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, đối với ngày đêm, con người ít khi có tâm sát sanh,... cho đến ít khi có tâm nói dối, mà phần nhiều là không có tâm sát sanh,... cho đến nói dối.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Nếu như vậy, há chẳng phải không có người đọa vào trong địa ngục sao? Như những gì Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục, vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó,... cho đến nói dối cũng lại như vậy.”

“Này thôn trưởng, bậc Đại Sư kia, xuất hiện ở thế gian, bằng giác tướng suy lường, nhập vào cõi giác tướng mà an trú; đối với địa vị phạm phu tự đặt những điều được nói, nói, suy lường theo ý riêng, vì các đệ tử mà nói pháp như vậy: ‘Ai sát sanh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục, vì đã tập hành nhiều nên sẽ dẫn đến nơi đó,... cho đến nói dối cũng lại như vậy.’ Các đệ tử của vị ấy, nếu tin vào những lời nói ấy, cho rằng: ‘Đại Sư của ta biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, có thể vì các đệ tử nói như vậy: ‘Nếu ai sát sanh thì tất cả đều đọa vào trong địa ngục vì đã tập hành nhiều nên sẽ dẫn đến nơi đó.’ Ta vốn có tâm sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối nên sẽ bị đọa vào trong địa ngục.’ Vì mắc vào tri kiến như vậy,... cho đến không bỏ được tri kiến này, nên chẳng chán cái nghiệp kia, chẳng biết hối cải nó; và đối với đời vị lai cũng chẳng bỏ được sát sanh,... cho đến chẳng bỏ được nói dối. Ý giải thoát⁵⁴ của họ không đầy đủ, tuệ giải thoát cũng không đầy đủ; vì ý giải thoát đã không đầy đủ, tuệ giải thoát không đầy đủ, nên đó là tà kiến hủy báng Hiền thánh. Vì nhân duyên tà kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào trong đường ác địa ngục.

“Như vậy, này thôn trưởng, có nhân, có duyên chúng sanh phiền não⁵⁵; có nhân, có duyên mà nghiệp của chúng sanh phiền não⁵⁶.

⁵⁴. Ý giải thoát 意解脫, tức tâm giải thoát. Pāli: cetovimutti.

⁵⁵. Hán: phiền não 煩惱, ở đây được hiểu là ô nhiễm.

⁵⁶. Tức nghiệp bị ô nhiễm.

“Này thôn trưởng, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời, thường vì chúng sanh mà quở trách việc sát sanh, khen ngợi việc không sát sanh; quở trách việc trộm cắp, tà dâm, nói dối, mà khen ngợi việc không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và thường đem pháp này giáo hóa, nhắc nhở lại các bậc Thanh văn làm cho tin ưa, nhớ đến là: ‘Đại Sư của ta biết rõ những điều cần biết, thấy những điều cần thấy, nên quở trách việc sát sanh, khen ngợi việc không sát sanh,... cho đến quở trách việc nói dối, khen ngợi việc không nói dối. Từ trước tới nay, vì ta ngu si không có trí tuệ nên có tâm sát sanh, do đó nên nay ta tự ăn năn trách mình.’ Tuy không thể làm cho những nghiệp kia không sanh khởi nữa, nhưng nhờ vào sự ăn năn tự trách này, mà đời vị lai xa lìa được sát sanh,... cho đến xa lìa được trộm cắp, tà dâm, nói dối và cũng được chánh ý giải thoát đầy đủ, tuệ giải thoát đầy đủ. Khi ý giải thoát, tuệ giải thoát đã đầy đủ rồi, sẽ không còn hủy báng Hiền thánh nữa, thành tựu được chánh kiến. Vì nhờ chánh kiến nên được sanh về đường lành ở cõi trời.

“Như vậy, này thôn trưởng, có nhân, có duyên khiến nghiệp của chúng sanh phiền não hay thanh tịnh.

“Này thôn trưởng, Thánh đệ tử đa văn kia phải học như vậy: ‘Tùy theo ngày đêm mà quán sát biết có tâm sát sanh khởi ít, biết có tâm không sát sanh khởi nhiều. Nếu có tâm sát sanh, thì sẽ ăn năn tự trách mình là chẳng đúng, chẳng tốt. Nếu không có tâm sát sanh, thì sẽ không có sự oán thù, tâm sanh tùy hỷ. Do tùy hỷ, hoan hỷ sanh. Do hoan hỷ sanh, tâm khinh an. Do tâm khinh an, tâm cảm thọ lạc. Do cảm thọ lạc, tâm định. Do tâm định, tâm của vị Thánh đệ tử câu hữu với Từ, không còn oán hận, không còn ganh ghét, không còn sân nhuế, rộng lớn vô cùng, bao trùm cả một phương, an trụ chánh thọ. Từ hai phương, ba phương cho đến bốn phương, bốn bên trên, dưới khắp cả thế gian tâm đều câu hữu với Từ, không còn oán hận, không còn ganh ghét, không còn sân nhuế, rộng lớn vô cùng, nếu khéo tu tập đầy khắp các phương, an trụ chánh thọ đầy đủ.’”

Bấy giờ, Thế Tôn dùng móng tay quệt một tí đất rồi bảo thôn trưởng Đạo Sư Thị rằng:

“Thế nào thôn trưởng, đất trong móng tay Ta là nhiều hay đất đại địa nhiều?”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, đất trong móng tay rất là ít so với đất đại địa vô lượng vô số.”

Phật bảo thôn trưởng:

“Như đất đã quệt ở trên là quá ít so với số đất đại địa vô lượng. Cũng vậy, đối với người tu tập tâm câu hữu với Từ, tu tập nhiều, các nghiệp có số lượng như đất đã quệt ở trên, không thể mang đi, không thể khiến trụ. Cũng vậy, nếu dùng tâm Bi để đối trị với trộm cắp, dùng tâm Hỷ để đối trị với tà dâm, dùng tâm Xả để đối trị với nói dối, thì sẽ không so sánh được!”

Trong khi Phật nói những lời này, thôn trưởng Đào Sư Thị, xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Thôn trưởng thấy pháp, đắc pháp, hiểu pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, xa lìa các nghi hoặc, không do người khác, không theo người khác, được vô sở úy ở trong Chánh pháp luật. Từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối bên hữu sát đất, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã được độ! Bạch Thế Tôn, con đã siêu việt! Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo, suốt đời con xin làm Ưu-bà-tắc. Thí như người muốn tìm đèn sáng, lấy đuôi ngựa làm tim đèn, muốn thổi cho lửa bùng lên, nhưng cuối cùng không được sáng, cũng chỉ tự làm mệt mình chứ đèn thì không bao giờ sáng. Con cũng như vậy, muốn tìm minh trí nơi các Ni-kiền Tử ngu si, mà gần gũi với ngu si, hòa hợp với ngu si, phụng sự một cách ngu si, cũng chỉ tự làm khổ mệt mình, chứ không bao giờ được minh trí. Cho nên, hôm nay lần thứ hai con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo. Từ nay trở đi, đối với Ni-kiền Tử ngu si, không tốt, không hiểu biết kia ít tin, ít kính, ít quý mến, ít nhớ đến, nay xa lìa họ. Thế nên, hôm nay lần thứ ba con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo, nguyện suốt đời làm Ưu-bà-tắc, tự làm sạch tâm mình.”

Sau khi thôn trưởng Đào Sư Thị nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

KINH 917. TAM CHỦNG ĐIỀU MÃ⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có ba loại ngựa để điều phục⁵⁸. Những gì là ba? Có loại nhanh nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không hoàn toàn, hình thể không đầy đủ; có loại ngựa sắc hoàn toàn, nhanh nhạy hoàn toàn, nhưng hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn và hình thể đầy đủ. Cũng vậy, có ba hạng người điều phục được. Những gì là ba? Có hạng người bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không hoàn toàn, hình thể không đầy đủ; có hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn, nhưng hình thể không đầy đủ; có hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn và hình thể cũng đầy đủ.

“Này Tỳ-kheo, thế nào là hạng người bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không hoàn toàn, hình thể không đầy đủ, không điều phục được? Hạng người biết như thật rằng ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo’. Quán như vậy mà đoạn tận ba kết: thân kiến, giới thủ và nghi. Đoạn tận ba kết này thì được Tu-đà-hoàn, không còn bị rơi vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác; chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ. Đó gọi là bén nhạy hoàn toàn. Thế nào là sắc không đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luật, Luật mà không thể dùng lời nói, ý nghĩa đầy đủ để theo đó thứ tự trình bày đầy đủ, đó gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Chẳng phải đức lớn, tiếng tăm, mà cảm hóa đến những thứ như: y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Đó gọi là người bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không đầy đủ và hình thể không đầy đủ.

“Thế nào gọi là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ? Hạng người biết như thật rằng ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo’...

⁵⁷. Ấn Thuận Hội Biên, tương ứng 43, “Mã tương ứng” gồm mười kinh, 13257-13266 (Đại Chánh, 917-926). Phần lớn tương đương các kinh thuộc Anguttara. Đại Chánh kinh 917, Pāli, A. 3.137. Assakhaluṅka. Cf. N^o100(143)

⁵⁸. Điều mã 調馬; N^o100(143): bát điều chỉ mã, ngựa chưa được huấn luyện. Pāli: assakhaluṅka.

cho đến rất ráo thoát khổ, đó gọi là bén nhạy hoàn toàn. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có người hỏi về Luận, Luật... *cho đến* có thể vì họ mà giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào gọi là hình thể không đầy đủ? Chẳng phải đức lớn, tiếng tăm, nên không thể cảm hóa đến: y phục, đồ ăn thức uống, ngọa cụ, thuốc men, đó gọi là người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ.

“Thế nào là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ? Hạng người biết như thật rằng ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo’... *cho đến* rất ráo thoát khổ, thì đó gọi là nhạy bén hoàn toàn. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* có thể giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Những gì là hình thể đầy đủ? Đức lớn, tiếng tăm,... *cho đến* ngọa cụ, thuốc men, đó gọi là hình thể đầy đủ; và đó cũng gọi là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 918. THUẬN LƯƠNG MÃ⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có ba loại ngựa tốt. Những gì là ba? Có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc chẳng đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ. Ở trong Chánh pháp luật cũng có ba hàng thiện nam. Những gì là ba? Có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ; có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ.

“Thế nào là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ? Hàng thiện nam biết như thật về Khổ

⁵⁹. Pāli, A. 3.138 Assadassa. Cf. N^o100(144).

Thánh đế, biết như thật về sự Tập khởi khổ Thánh đế, biết như thật về sự Diệt tận khổ Thánh đế, biết như thật về Con đường đưa đến sự Diệt tận khổ Thánh đế. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi, trừ được năm hạ phần kết sử đó là: thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân nhuế. Sau khi đã đoạn được năm hạ phần kết sử này rồi thì được Sanh Bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không sanh trở lại cõi đời này nữa. Đó gọi là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc không đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật mà không có khả năng hiểu rõ hình thức cũng như ý nghĩa của nó để theo đó lần lượt quyết định giải nói, đó gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn, mà có khả năng cảm hóa tài lợi, cúng dường, y phục, đồ ăn thức uống, thuốc men tùy bệnh, đó gọi là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc chẳng đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ.

“Thế nào là nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể chẳng đầy đủ? Hàng thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế này,... *cho đến* đạt được Sanh Bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không sanh trở lại đời này nữa, đó gọi là nhanh nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật, có khả năng đem văn nghĩa lần lượt tùy thuận quyết định mà giải nói, thì đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hình thể chẳng đầy đủ? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn, mà có khả năng cảm hóa tài lợi, cúng dường, y phục, đồ ăn thức uống, thuốc men tùy bệnh, thì đó gọi là thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể chẳng đầy đủ.

“Thế nào là thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ? Hàng thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế này,... *cho đến* chứng đạt Sanh Bát-niết-bàn A-na-hàm, không còn sanh trở lại cõi đời này nữa, đó gọi là nhanh nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* mà vì họ giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hình thể đầy đủ? Là tiếng tăm, đức lớn có khả năng cảm hóa tài lợi,... *cho đến* các loại thuốc men, thì đó gọi là hình thể đầy đủ, đó cũng gọi là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ.”

Sau khi Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ vâng làm.



TẬP A HÀM QUYỂN 33

KINH 919¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có ba loại ngựa hay. Những gì là ba? Có loại ngựa có đủ sự nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể; có loại ngựa có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể; có loại ngựa có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, cũng có đủ hình thể. Cũng vậy, ở trong Pháp luật này có ba hàng thiện nam. Những gì là ba? Có hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể; có hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể; có hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, có đủ hình thể.

“Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể? Hàng thiện nam biết như thật ‘Đây là Khổ Thánh đế’, biết như thật ‘Đây là Khổ tập Thánh đế’, biết như thật ‘Đây là Khổ diệt Thánh đế’, biết như thật ‘Đây là Khổ diệt đạo Thánh đế’. Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu, biết rằng ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’, đó gọi là có đủ nhanh nhẹn. Thế nào là chẳng có đủ sắc? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật²,... *cho đến* không thể vì người mà giải nói, đó gọi là chẳng có đủ sắc. Thế nào là chẳng có đủ hình thể? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn,... *cho đến* chẳng cảm hóa được thuốc men các loại, đó gọi là chẳng có đủ hình thể, hay đó cũng gọi là thiện nam có đủ nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể.

¹ Đại Chánh, quyển 33. Ấn Thuận Hội Biên, “43. Tương ưng Mã” tiếp theo. Quốc Dịch quyển 46. Pāli, A. 3.139 Assājānuya; 9.22 Khaluṅka. Tham chiếu, N^o100(145).

² Bản Pāli: abhidhamme abhivinaye pañham, hỏi về Thắng pháp, Thắng luật.

“Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể? Hàng thiện nam biết như thật ‘Đây là Khổ Thánh đế,... *cho đến* không còn tái sinh đời sau nữa’, đó gọi là có đủ nhanh nhẹn. Thế nào là có đủ sắc? Nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* có thể vì họ quyết định giải nói, đó gọi là có đủ sắc. Thế nào là chẳng có đủ hình thể? Chẳng phải tiếng tăm, đức lớn,... *cho đến* không thể cảm hóa được thuốc men các loại, đó gọi là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể.

“Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, cũng có đủ hình thể? Hàng thiện nam biết như thật ‘Đây là Khổ Thánh đế,... *cho đến* không còn tái sinh đời sau nữa’, đó gọi là có đủ nhanh nhẹn. Thế nào là sắc có đủ? Hàng thiện nam nếu có ai hỏi về Luận, Luật,... *cho đến* có thể vì họ quyết định giải nói, đó gọi là có đủ sắc. Thế nào là có đủ hình thể? Hàng thiện nam tiếng tăm, đức lớn,... *cho đến* thể cảm hóa thuốc men các loại, đó gọi là có đủ hình thể, hay đó gọi là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, có đủ hình thể.”

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 920. TAM³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có ba loại ngựa tốt được vua dùng để kéo xe. Những gì là ba? Loại ngựa tốt có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn. Cũng vậy, ở Chánh pháp luật cũng có ba hàng thiện nam, là nơi thế gian phụng sự, cúng dường cung kính, là ruộng phước trên hết. Những gì là ba? Hàng thiện nam có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn.

“Thế nào là có đủ sắc? Là hàng thiện nam sống an trụ tịnh giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, có đầy đủ oai nghi hành xử, thấy tội vi tế thường phát sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là có đủ sắc. Thế

³. Pāli, A.94-96 Ājāniya. Cf. N^o100(146).

nào là có đủ lực? Đối với pháp ác bất thiện đã sanh khiến đoạn diệt, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh không cho sanh khởi, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đối với pháp thiện chưa sanh khiến sanh khởi, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đối với pháp thiện đã sanh, an trụ không cho mất, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đó gọi là có đủ lực. Thế nào là có đủ nhanh nhẹn? Là biết như thật ‘Đây là Khổ Thánh đế’,... cho đến đạt được A-la-hán, không còn tái sanh đời sau nữa, đó gọi là có đủ nhanh nhẹn, hay gọi là hàng thiện nam có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn.”

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 921. TỨ⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ngựa tốt thế gian có đủ bốn năng lực⁵, nên biết chúng được vua dùng để kéo xe. Những gì là bốn? Đó là khôn ngoan⁶, nhanh nhẹn, kham năng, thuần tánh⁷. Cũng vậy, hàng thiện nam thành tựu bốn đức, được thế gian tôn trọng, phụng sự cúng dường, là đám ruộng phước trên hết. Những gì là bốn? Là thiện nam thành tựu giới thân vô học, định thân vô học, tuệ thân vô học và giải thoát thân vô học.”

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

4. Pāli, A. 4.256-257. Ājāniya. Cf. N^o100(147).

5. Để bản: năng 能. Tống-Nguyên-Minh: chủng 種. Bản Pāli: rañño bhaddo assājāniyo, ngựa tốt khôn ngoan của vua.

6. Hán: hiền thiện 賢善. Pāli: bhaddo; xem cht. 6 ở trên.

7. Bốn yếu tố, theo bản Pāli: vaṇṇasampanno, balasampanno, javasampanno, ārohapariṇāhasampanno: có sắc, có lực, có sự nhanh nhẹn, có thân hình cao lớn.

KINH 922. TIÊN ẢNH⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có bốn loại ngựa tốt. Có loại ngựa tốt đóng vào xe làm xe thăng bằng, nhìn thấy bóng roi liền chạy nhanh, biết cách nhìn những động tác người điều khiển, nhanh chậm, phải trái theo ý người điều khiển. Này Tỳ-kheo, đó là cái đức thứ nhất của con ngựa tốt thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi mà tự sợ hãi, nhưng nếu dùng roi gậy chạm vào lông đuôi của nó, có thể làm cho nó sợ hãi chạy nhanh, tùy theo ý của người điều khiển mà chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái. Đó gọi là loại ngựa tốt thứ hai thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, hoặc thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi hay để chạm vào lông da mới có thể theo ý người, mà phải dùng đến roi gậy đánh nhẹ vào da thịt, mới có thể sợ hãi chạy, theo ý người điều khiển, chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái, này Tỳ-kheo, đó gọi là ngựa tốt thứ ba.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi và chạm vào lông da, hay đánh nhẹ vào da thịt, mà phải dùng dùi sắt đâm vào thân, xuyên suốt qua da, đả thương xương cốt, khi đó ngựa mới kinh hãi kéo xe, trên đường chậm hay nhanh, phải hay trái theo ý người điều khiển, đó gọi là loại ngựa tốt thứ tư của thế gian.

“Cũng vậy, trong Chánh pháp luật cũng có bốn hàng thiện nam. Những gì là bốn? Hàng thiện nam khi nghe những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị tật bệnh khốn khổ cho đến sắp chết; nghe vậy liền phát sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia chỉ cần nhìn bóng roi là điều khiển nó được. Đó gọi là hàng thiện nam thứ nhất ở trong Chánh pháp luật có khả năng tự điều phục.

⁸. Bóng roi. Pāli, A. 4.113 Patoda. Cf. N^o100(148).

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, nhưng phải thấy những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử thì mới sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia cần chạm vào lông đuôi của nó, thì có thể nhanh chóng điều phục theo ý người điều khiển. Đó gọi là hàng thiện nam thứ hai ở trong Chánh pháp luật có khả năng tự điều phục.

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe, thấy những người nam nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử mà sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy; nhưng vì thấy thành ấp chòm xóm có những người quen biết, thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị roi chạm vào da thịt, sau đó mới chịu theo ý điều phục người điều khiển, đó gọi là hàng thiện nam ở trong Chánh pháp luật có thể tự điều phục.

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe thấy những người nam nữ chòm xóm láng giềng khác và những người thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy; nhưng chính tự thân bị khổ vì lão bệnh tử mới sanh lòng nhàm tởm sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị đâm vào da thịt thấu xương cốt, sau đó mới chịu theo ý điều phục của người điều khiển, thì đó gọi là hàng thiện nam thứ tư ở trong Chánh pháp luật có thể tự điều phục.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 923. CHỈ-THI⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có người luyện ngựa tên là Chỉ-thi¹⁰ đến chỗ Phật,

⁹. Pāli, A. 4.111 Kesi.

¹⁰. Điều mã sư danh viết chỉ thi 調馬師名曰只尸. Pāli: kesi assadammasārathi.

cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Con coi thế gian thật là đáng khinh miệt, giống như bầy dê. Thế Tôn! Chỉ có con mới có khả năng điều phục ngựa điên, ngựa hoang, ngựa dữ. Con có phương pháp, chỉ cần trong giây lát là có thể khiến cho những chứng tật của chúng hiện ra và tùy theo tật đó mà có cách điều phục.”

Phật bảo chủ tỳ lục luyện ngựa:

“Ông có bao nhiêu cách để điều phục ngựa?”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Có ba cách để điều phục ngựa dữ. Những gì là ba? Một là mềm dịu, hai là thô cứng, ba là vừa mềm dịu vừa thô cứng.”

Phật bảo chủ tỳ lục:

“Ông dùng ba phương cách này để điều phục ngựa, nếu không điều phục được, thì nên làm thế nào.”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Nếu không điều phục được, thì nên giết nó. Vì sao? Vì chớ để nó làm nhục mình.”

Người luyện ngựa lại bạch Phật:

“Thế Tôn là Bậc Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu¹¹. Ngài đã dùng bao nhiêu phương pháp để điều ngự trượng phu?”

Phật bảo chủ tỳ lục:

“Ta cũng dùng ba cách để điều phục trượng phu. Những gì là ba? Một là một mực mềm dịu, hai là một mực thô cứng, ba là vừa mềm dịu vừa thô cứng.”

Phật bảo tiếp chủ tỳ lục:

“Một mực mềm dịu là, như nói rằng: ‘Đây là thiện hành của thân; đây là quả báo của thân thiện hành. Đây là thiện hành của miệng, ý; đây là quả báo của miệng, ý thiện hành. Đây gọi là trời. Đây gọi là người. Đây gọi là sự hóa sanh nơi cõi thiện. Đây gọi là Niết-bàn’. Đó gọi là một mực mềm dẻo.

“Một mực thô cứng là, như nói: ‘Đây là ác hành của thân; đây là quả báo của thân ác hành. Đây là ác hành của miệng, ý; đây là quả

¹¹. Vô thượng điều ngự trượng phu 無上調御丈夫. Pāli: anuttaro dammasārathi, vị huấn luyện người không còn ai hơn. Một trong mười hiệu của Phật.

báo của miệng, ý các hành. Đây gọi là địa ngục. Đây gọi là nga quý. Đây gọi là súc sanh. Đây gọi là ác thú. Đây gọi là đọa ác thú'. Đó là sự giáo hóa thô cứng của Như Lai.

“Vừa mềm dịu vừa thô cứng là có lúc thiện hành của thân; có lúc nói quả báo của thiện hành của thân. Có lúc nói thiện hành của miệng, ý; có lúc nói quả báo thiện hành của miệng, ý. Có lúc nói ác hành của thân; có lúc nói quả báo ác hành của thân. Có lúc nói ác hành của miệng, ý; có lúc nói quả báo ác hành của miệng, ý. Như vậy gọi là trời, như vậy gọi là người, như vậy gọi là đường lành, như vậy gọi là Niết-bàn; như vậy gọi là địa ngục, như vậy gọi là súc sanh, nga quý, như vậy gọi là đường ác, như vậy gọi là đọa đường ác.’ Đó gọi là sự giáo hóa vừa mềm dịu vừa thô cứng của Như Lai.”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Thế Tôn! Nếu dùng ba phương pháp này để điều phục chúng sanh, nhưng nếu không điều phục được thì phải như thế nào?”

Phật bảo chủ tỳ lệ:

“Cũng phải giết họ đi. Vì sao? Vì không nên để họ làm nhục Ta.”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Đối với pháp của Thế Tôn, nếu sát sanh thì không thanh tịnh. Trong pháp của Thế Tôn cũng không cho sát sanh, mà nay lại bảo giết, vậy ý nghĩa của nó thế nào?”

Thế Tôn bảo chủ tỳ lệ:

“Đúng vậy, đúng vậy! Trong pháp của Như Lai sát sanh là không thanh tịnh; trong pháp của Như Lai cũng không cho sát sanh. Nhưng trong pháp của Như Lai nếu dùng ba phương pháp để giáo dục, vẫn không điều phục được, Ta sẽ không nói đến họ, không dạy, không nhắc nữa. Chủ tỳ lệ, ý ông thế nào? Trong pháp Như Lai, không nói đến họ, không dạy, không nhắc nữa, há không phải là giết sao?”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn, không nói đến họ, vĩnh viễn không dạy, không nhắc nữa thì đích thị họ đã chết rồi! Vì vậy cho nên, từ ngày hôm nay tôi lìa các nghiệp ác bất thiện.”

Phật bảo chủ tỳ lệ:

“Lành thay những lời này!”

Người chủ tỵ lạc luyện ngựa Chử-thi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, lễ dưới chân rồi lui.

**
*

KINH 924. HỮU QUÁ¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ngựa thế gian có tám cách thái¹³. Những gì là tám? Khi ngựa dữ kéo xe, thì chân sau đá người, chân trước quỳ xuống đất, đầu lúc lắc, cắn người. Đó gọi là cách thái thứ nhất của ngựa thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ kéo xe, cúi đầu xuống làm rung ách. Đó gọi là cách thái thứ hai của ngựa dữ thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe thì mang xé xuống lề đường mà đi, hoặc làm cho xe nghiêng khiến cho nó bị lật. Đó gọi là cách thái thứ ba. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, ngẩng đầu lên mà chạy đi. Đó gọi là cách thái thứ tư của ngựa dữ thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, mới bị ít roi gậy, thì hoặc làm cho đứt dây cương, hay đứt dầm, chạy ngang chạy dọc. Đó gọi là cách thái thứ năm. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, giờ hai chân trước lên làm như người đứng. Đó là cách thái thứ sáu. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, phải dùng roi gậy mới chịu đứng yên, không động. Đó là cách thái thứ bảy. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, bốn chân chụm lại, phục sát đất không chịu đứng lên. Đó gọi là cách thái thứ tám.

“Con người dữ¹⁴ của thế gian cũng vậy, ở trong Chánh pháp luật có tám điều lỗi. Những gì là tám? Hoặc Tỳ-kheo, khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; người kia sân giận, chỉ trích trở lại người cử tội rằng: ‘Thầy ngu si, không biết, không tốt. Người ta vừa cử tội thầy, sao thầy lại cử tội tôi?’ Như con ngựa dữ kia hai chân sau chõi lui, hai chân trước quỳ xuống đất, làm đứt cương, gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ nhất của con người trong Chánh pháp luật.

¹². Pāli, A. 8.14 Khaluṅka. Cf. N^o100(149).

¹³. Mã hữu bát thái 馬有八態. Pāli: aṭṭha assakhaṅke, tám loại ngựa bất kham.

¹⁴. Ác trượng phu 惡丈夫. Pāli: purusakhaṅka, con người bất kham.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; liền trở lại cử tội người kia, giống như ngựa dữ cứng cổ làm gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ hai của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; nhưng không dùng lời đứng đắn đáp lại, mà nói sang chuyện khác, hay không nhẫn, sân nhuế, kiêu mạn, che giấu, hiềm hận, làm những chuyện vô lý, như ngựa dữ kia không đi đường thẳng làm cho xe lật úp. Đây gọi là lỗi thứ ba của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; khiến cho người kia nhớ lại, nhưng lại nói rằng: ‘Tôi chẳng nhớ’ ngang ngạnh không phục, như ngựa dữ kia bước thụt lùi. Đây gọi là lỗi thứ tư của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; bèn khinh miệt, không kể gì đến người khác, cũng không kể gì đến chúng Tăng, tùy ý ôm y bát bỏ đi, như ngựa dữ kia bị ăn roi gậy, bỏ chạy dọc ngang. Đây gọi là lỗi thứ năm của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; họ ngồi trên giường cao tranh luận quanh co với các Thượng tọa, như ngựa dữ kia đứng hai chân như người. Đây gọi là lỗi thứ sáu của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; họ im lặng không đáp, để xúc não đại chúng, như ngựa dữ kia bị roi gậy vẫn trơ trơ không động. Đây gọi là lỗi thứ bảy của con người trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; người bị cử tội liền xả giới, tự sanh thoái thất, đến trước cửa chùa nói rằng: ‘Ông mặc nhiên mà sống hoan hỷ khoái lạc, tôi tự xả giới lui về,’ như con ngựa dữ kia bốn chân chụm lại, phục sát đất không động. Đây gọi là lỗi thứ tám của con người trong Chánh pháp luật.

Đó gọi là Tỳ-kheo đối trong Chánh pháp luật có tám điều lỗi lầm của con người.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 925. BÁT CHỨNG ĐỨC¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ngựa tốt ở thế gian thành tựu được tám đức, theo ý muốn của người, đi đường nhiều ít¹⁶. Những gì là tám? Sinh nơi quê hương của giống ngựa tốt¹⁷. Đó là đức thứ nhất của ngựa tốt.

“Lại nữa, thể tánh ôn hòa, không làm người kinh sợ¹⁸. Đó là đức thứ hai của ngựa tốt.

“Lại nữa, ngựa tốt không lựa chọn đồ ăn thức uống. Đó là đức thứ ba của ngựa tốt.

“Lại nữa, ngựa tốt ghê tởm chỗ nhơ không sạch, chọn đất sạch để nằm. Đó là đức thứ tư của ngựa tốt.

“Lại nữa, ngựa tốt luôn thể hiện tính tình thái độ nhạy cảm trước người huấn luyện¹⁹, Mã sư sẽ luyện tập cho nó bỏ những thái độ này. Đó là đức thứ năm của ngựa tốt.

“Lại nữa, ngựa tốt khi đã đóng vào xe, sẽ không để ý những con ngựa khác; tùy cỗ xe nặng nhẹ mà tận dụng sức lực của mình. Đó là đức thứ sáu của ngựa tốt.

“Lại nữa, ngựa tốt thường theo đường chánh, không đi lạc đường. Đó là đức thứ bảy của ngựa tốt.

“Lại nữa, ngựa tốt dù bị bệnh, hoặc già yếu vẫn gắng sức kéo xe không chán, không mệt. Đó là đức thứ tám của ngựa tốt.

“Cũng vậy, trượng phu²⁰ trong Chánh pháp luật cũng thành tựu

¹⁵. Pāli, A. 8.13 Ājañña. Cf. N^o100(150).

¹⁶. Thủ đạo đa thiểu 取道多少, chưa rõ ý. Pāli: rājāraho rālābhogo rañño aṅganteva... thích hợp với vua, được vua thọ dụng, là tài bảo của vua.

¹⁷. Lương mã hương 良馬鄉. Pāli: ubhato sūato hoti, cha mẹ thuần giống.

¹⁸. Hán: bất kinh khủng nhân 不驚恐人. Pāli: na ca aññe asse ubbejetā, không làm các ngựa khác sợ.

¹⁹. Pāli: yāni kho panassa honti sāṭṭheyyāni kūṭṭheyyāni jimheyyāni vañkeyyāni tāni yathābhūtaṃ sārathissa āvikattā hoti, nếu có những tính giáo hoạt, man trá, quanh co, tà vạy; thấy đều hiện rõ một cách trung thực cho người huấn luyện.

²⁰. Hán: trượng phu 丈夫, con người, hay người đàn ông. Bản Pāli nói bhikkhu.

được tám đức, nên biết đó là bậc Hiền sĩ²¹. Những gì là tám? Bậc Hiền sĩ an trụ chánh giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa²², có đủ oai nghi hành xử; thấy tội vi tế thường sanh lòng sợ hãi, giữ gìn học giới. Đó là đức thứ nhất của trượng phu trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, trượng phu tính tự hiền thiện, khéo điều phục, khéo an trụ, chẳng làm phiền, không làm sợ hãi phạm hạnh khác. Đó là đức thứ hai của trượng phu.

“Lại nữa, trượng phu đi khát thực, theo thứ lớp, tùy theo những gì nhận được, dù ngon hay dở, tâm vẫn bình đẳng, không hiềm, không đả m trước. Đó là đức thứ ba của trượng phu.

“Lại nữa, trượng phu sanh tâm yếm ly các nghiệp ác nơi thân, miệng, ý, các pháp ác bất thiện, cùng các phiền não, chúng dẫn đến thọ nhận các báo khổ nhiệt não nhiều lần; đối với sự sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong đời vị lai lại càng yếm ly. Đó là đức thứ tư của trượng phu.

“Lại nữa, trượng phu nếu có lỗi lầm của Sa-môn, mà quanh co, không chân thật, hãy nhanh chóng trình lên Đại Sư và thiện tri thức; Đại Sư thuyết pháp chắc chắn sẽ trừ dứt²³. Đó là đức thứ năm của vị trượng phu.

“Lại nữa, trượng phu tâm cầu học có đủ, nghĩ như vậy: ‘Giả sử người khác có học hay không học, ta cũng phải học. Đó là đức thứ sáu của trượng phu.

“Lại nữa, trượng phu thực hành tám Chánh đạo, chẳng thực hành

²¹. Hán: hiền sĩ phu 賢士夫, chỉ con người hiền thiện (Pāli: bhaddo puriso). Tham chiếu Pāli: atthahi dhammehi samannāgato bhikku āhuneyyo hoti, thành tựu tám pháp, Tỳ-kheo ấy là vị ứng thỉnh (xứng đáng được tôn kính, cúng dường).

²². Pāli: bhikkhu sīlavā hoti, pātimokkhasaṃvarasaṃvuto viharati, Tỳ-kheo có giới, sống tự chế ngự bằng sự chế ngự của Giới bốn.

²³. Dịch sát; nhưng bản Hán sai, so sánh theo thí dụ nêu trên. Bản Pāli: yāni kho panassa honti sāṭṭheyyāni kūṭeyyāni jīmḥeyyāni vaṅkeyyāni tāni yathābhūtaṃ āvakattā hoti satthiri vā viññūsu vā sabrahmacārisu. tesam assa atthā vā viññū vā sabrahmacārī abhinimmadanāya vāyamati, Hoặc (tự mình) có những gì là giáo hoạt, man trá, siểm khúc, không chính trực, đều trung thực được biểu hiện cho Tôn sư hay các đồng phạm hạnh có trí thấy. (Tỳ-kheo) ấy nỗ lực để được Tôn sư hay các đồng phạm hạnh có trí sửa sai cho.

phi đạo. Đó là đức thứ bảy của trượng phu.

“Lại nữa, trượng phu suốt đời nỗ lực tinh cần, không chán, không mệt. Đó là đức thứ tám của trượng phu.

“Trượng phu thành tựu tám đức như vậy, tùy thuộc vào sự thực hành của mình mà có thể tiến triển nhanh chóng.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 926. SẴN-ĐÀ CA-CHIÊN-DIÊN²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Thâm cốc tại làng Na-lê²⁵. Bấy giờ Thế Tôn bảo Sằn-đà Ca-chiên-diên²⁶:

“Nên tu thiền chân thật, chớ tập thiền ngang ngạnh²⁷. Như ngựa ngang ngạnh, cột nơi cạnh máng cỏ chuồng ngựa, nó không nghĩ: ‘Ta phải làm gì? Ta không phải làm gì?’ mà chỉ nghĩ đến thóc và cỏ. Cũng vậy, trượng phu tu tập nhiều với tham dục triền²⁸, cho nên, vị kia bằng tâm tham dục mà tư duy, không biết như thật: con đường xuất ly²⁹, tâm thường rong ruổi, tùy theo tham dục triền mà cầu chánh thọ. Đối với sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi, tuy tu tập nhiều, cho nên, đối với đạo xuất ly không biết như thật; với tâm bị trùm kín bởi nghi³⁰ mà tư duy để cầu chánh thọ.

²⁴. Pāli, A. 11.10 Sandha. Tham chiếu, N^o100(151).

²⁵. Na-lê tụ lạc Thâm cốc tinh xá 那梨聚落深谷精舍. Pāli: Nālike Giñjakāvasathe, trong ngôi nhà ngôi ở Nātika.

²⁶. Sằn-đà Ca-chiên-diên 洗陀迦旃延. Pāli: Sandha.

²⁷. Hán: chân thật thiền, cường lương thiền 眞實禪, 強良禪. Pāli: ājāniyaṅghāyitaṃ, khaluṅkajjhāyitaṃ, tu thiền của con ngựa thuần, tu thiền của con ngựa chướng.

²⁸. Hán: ư tham dục triền đa sở tu tập 於貪欲纏多所修習. Pāli: kāmarāgapariyuṭṭhitena cetasā viharati, sống với tâm tư bị quấn chặt bởi tham dục.

²⁹. Pāli: uppanassa kāmarāgassa nissaraṇaṃ yathābhūtaṃ nappajānati, nó không biết như thật sự xuất ly đối với tham dục.

³⁰. Nghi cái tâm 疑蓋心.

“Này Sần-đà, nếu thật là ngựa thuần giống³¹ thì khi cột nơi cạnh máng cỏ chuồng ngựa, nó chẳng nghĩ đến cỏ, nước, mà chỉ nghĩ đến việc kéo xe. Cũng vậy, trượng phu không niệm tưởng tham dục triền mà an trụ³², biết như thật sự xuất ly; không với tham dục triền mà cầu chánh thọ; cũng không bị quán chặt bởi sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi, mà phần nhiều an trụ vào xuất ly; biết như thật về các triền sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi; không với nghi triền mà cầu chánh thọ.

“Như vậy, Sần-đà, Tỳ-kheo thiền như vậy không y cứ vào đất tu thiền, không y cứ vào nước, gió, lửa, không, thức, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng mà tu thiền; không y cứ vào thế giới này, không y cứ vào thế giới khác, không phải mắt trời, mặt trăng, không phải thấy, nghe, cảm, biết, không phải đắc, không phải cầu, không phải tùy giác³³, không phải tùy quán mà tu thiền. Này Sần-đà, nếu Tỳ-kheo nào tu thiền như vậy, những Thiên chủ Y-thấp-ba-la³⁴, Ba-xà-ba-đề³⁵ đều cung kính, chấp tay, cúi đầu, làm lễ mà nói kệ tán thán:

*Nam-mô Đại sĩ phu!
 Nam-mô Đại sĩ phu!
 Vì tôi không thể biết,
 Ngài nương đâu mà thiền!*

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-ca-lợi đang đứng sau Phật cầm quạt hầu Phật. Bạt-lợi-ca liền bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo làm sao nhập thiền mà không y cứ vào đất, nước, lửa, gió... cho đến giác quán mà tu thiền định? Làm sao Tỳ-kheo tu thiền được những Thiên chủ Y-thấp-ba-la, Ba-xà-ba-đề chấp tay, cung kính, cúi đầu, làm lễ và nói kệ tán thán:

*Nam-mô Đại sĩ phu!
 Nam-mô Đại sĩ phu!
 Vì tôi không thể biết,
 Ngài nương đâu mà thiền!*

³¹. Hán: chân sanh mã 眞生馬.

³². Xem cht.29 trên.

³³. Hán: tùy giác 隨覺. Pāli: anuvicāra, tư duy chiêm nghiệm.

³⁴. Y-thấp-bà-la 伊濕婆羅. Pāli: Issara.

³⁵. Ba-xà-ba-đề 波闍波提. Pāli: Pajāpati.

Phật bảo Tỳ-kheo Ba-lợi-ca:

“Tỳ-kheo, đối với địa tướng có thể điều phục địa tướng³⁶, đối với thủy, hỏa, phong tướng, Vô lượng không nhập xứ tướng, Thức nhập xứ tướng, Vô sở hữu xứ nhập xứ tướng, Phi tướng phi phi tướng nhập xứ tướng; thế giới này, thế giới khác, mặt trời, mặt trăng, thấy, nghe, cảm, biết; hoặc đắc, hoặc cầu, hoặc giác, hoặc quán, đều điều phục các tướng kia.

“Này Bạt-ca-lợi, Tỳ-kheo tu thiền như vậy, không y cứ vào đất, nước, lửa, gió... *cho đến* không y cứ vào giác, quán để tu thiền. Này Bạt-lợi-ca, Tỳ-kheo nào tu thiền như vậy, thì các Thiên chủ Y-thấp-bà-la, Ba-xà-ba-đề đều cung kính, chấp tay, cúi đầu làm lễ và nói kệ tán thán:

*Nam-mô Đại sĩ phu!
Nam-mô Đại sĩ phu!
Vì tôi không thể biết,
Ngài nương đâu mà thiền!*

Khi nghe Phật nói kinh này, thì Tỳ-kheo Sần-đà Ca-chiên-diên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tỳ-kheo Bạt-lợi-ca không còn khởi các lậu, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 927. ƯU-BÀ-TẮC³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ³⁸.

³⁶. Pāli: paṭhaviyaṃ paṭhavisaññā vibhūtā hoti; vì vibhūta có hai nghĩa: *phi hữu* và *minh nhiên*, nên câu Pāli có thể hiểu theo hai cách ngược nhau. Nhưng vì paṭhaviyaṃ ở cách số sáu, nên cần hiểu: ở nơi đất không có tướng về đất. Nhưng bản Hán đọc là abhibhūta, chinh phục.

³⁷. Đại Chánh, kinh số 927-936. Ấn Thuận Hội Biên, “44. Tương ưng Ma-ha-nam”. Gồm mười kinh, số 13267-13276. *Quốc Dịch*, quyển 46 tiếp, “4. Tương ưng Ma-ha-nam” mười kinh. Pāli, S. 55.37 Mahānāma. Cf. N^o100(152).

³⁸. Pāli: Sakkesu viharati kapilavatthusmiṃ nigrodhārāme.

Bấy giờ có người họ Thích, là Ma-ha-nam³⁹ đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc⁴⁰?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Có đủ tướng người nam, ở tại gia, sống trong sạch, tu tập thanh bạch, nói rằng: ‘Nay, suốt đời con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con!’ Đó gọi là Ưu-bà-tắc.

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có đủ tín⁴¹?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc lấy chánh tín đối với Như Lai làm gốc, kiên cố, khó lay chuyển, mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và người thế gian không ai có thể phá hoại được. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có đủ tín.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có giới đầy đủ⁴²?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc lìa bỏ sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, uống rượu, không vui thích làm những điều này nữa. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có giới đầy đủ.

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có nghe đầy đủ⁴³?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc có nghe đầy đủ là, khi nghe rồi, có thể ghi giữ, có thể tích tập. Nếu những gì Phật nói khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch, người ấy đều có khả năng thọ trì. Đó gọi là Ưu-bà-tắc có nghe đầy đủ.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

³⁹. Pāli: Sakko Mahānāmo.

⁴⁰. Ưu-bà-tắc 優婆塞. Pāli: upāsaka.

⁴¹. Hán: tín cụ túc 信具足, cũng nói là tín thành tựu. Pāli: saddhāsampanno.

⁴². Giới cụ túc 戒具足. Pāli: sīlasampanno.

⁴³. Văn cụ túc 聞具足; bản Pāli không đề cập.

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có thí xả đầy đủ⁴⁴?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc có thí xả đầy đủ là khi bị xan cấu trói buộc, tâm lìa xan cấu, sống không nhà⁴⁵, tu bố thí giải thoát, tinh cần bố thí, thường hành bố thí, ưa xả tài vật, bố thí bình đẳng. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có xả đầy đủ.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ là, biết như thật rằng ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo’. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ.”

Ma-ha-nam họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

**
*

KINH 928. THÂM DIỆU CÔNG ĐỨC⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Câu-ni-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có người họ Thích, là Ma-ha-nam cùng với năm trăm Ưu-bà-tắc đi đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc?”

Phật đáp:

“Ưu-bà-tắc là người sống trong sạch tại gia... cho đến suốt đời quy y Tam bảo, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn⁴⁷?”

⁴⁴. Xả cụ túc 捨具足, đây chỉ thí xả hay huệ xả. Pāli: cāgasampanno.

⁴⁵. Trụ ư phi gia 住於非家, có lẽ bản Hán nhầm agāra (nhà) và anagāra (không nhà). Bản Pāli: vigatamalamaccherena cetasā agāraṃ ajjhāvasati, sống tại gia với tâm xa lìa cấu bợn của bốn sên.

⁴⁶. Pāli, S. 55.49 Mahānāma. Cf. N^o100(153).

⁴⁷. Bản Pāli: thành tựu bốn chứng tịnh hay bất hoại tịnh.

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn là vị mà ba kết sử: thân kiến, giới thủ, nghi, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm là vị mà ba hạ phần kết sử đã đoạn tận, đã biến tri; tham dục, sân nhuế, ngu si đã mỏng. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc A-na-hàm là vị mà năm hạ phần kết sử tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục, sân nhuế, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm⁴⁸.”

Bấy giờ, Ma-ha-nam quay nhìn năm trăm Ưu-bà-tắc nói rằng:

“Kỳ thay các vị Ưu-bà-tắc, sống tại gia thanh bạch, lại được công đức sâu xa như vậy!”

Khi Ưu-bà-tắc Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ rồi lui.

**
*

KINH 929. NHẤT THIẾT SỰ⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có người họ Thích, là Ma-ha-nam đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc là người sống tại gia trong sạch,... cho đến suốt đời

⁴⁸. Không đề cập A-la-hán. Trong kinh này, tại gia không thể chứng.

⁴⁹. Pāli, A. 8.25 Mahānāma.

quy y Tam bảo, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao là làm thành mãn tất cả sự của Ưu-bà-tắc?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Nếu Ưu-bà-tắc nào có tín, nhưng không có giới, đó là không đủ, mà hãy nỗ lực tinh cần, đủ tịnh giới. Có đủ tín và giới, nhưng không bố thí thì cũng chưa đủ; vì chưa đủ nên phải nỗ lực tinh cần, tu tập bố thí để làm được đủ. Tín, giới và thí đã đầy, nhưng nếu không tùy thời đến Sa-môn để lắng nghe lãnh thọ Chánh pháp, thì vẫn chưa đủ. Vì chưa đủ cho nên phải nỗ lực tinh cần. Tùy thời đến chùa tháp, nhưng gặp các Sa-môn mà không một lòng lắng nghe lãnh thọ Chánh pháp, thì vẫn chưa đủ. Tín, giới, thí và nghe tu tập đã đầy, nhưng nghe rồi mà không ghi giữ, thì vẫn chưa có đủ; vì không đủ nên phải nỗ lực tinh cần. Tùy thời đến Sa-môn, chuyên tâm lắng nghe pháp, nghe rồi thì phải khéo ghi giữ. Nếu không thể quán sát nghĩa lý sâu xa của các pháp, thì đó chưa phải là đủ; vì không có đủ nên phải nỗ lực tinh cần hơn, làm cho có đủ. Tín, giới, bố thí, nghe, nghe rồi thì khéo ghi giữ, ghi giữ rồi quán sát nghĩa lý sâu xa, mà không tùy thuận để biết hướng đến pháp và thứ pháp⁵⁰, thì đó vẫn chưa có đủ; vì chưa có đủ nên phải nỗ lực tinh cần. Tín, giới, bố thí, nghe, ghi giữ, quán sát, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa và tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp. Ma-ha-nam, đó gọi là có đủ tất cả sự của Ưu-bà-tắc.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao là Ưu-bà-tắc hay tự an ủy mình⁵¹, chẳng an ủy người khác⁵²?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Nếu Ưu-bà-tắc nào có thể tự mình đứng vững trong giới nhưng không thể khiến cho người đứng vững trong chánh giới; tự

⁵⁰. Hán: pháp thứ pháp hướng 法次法向, thường nói là pháp tùy pháp hành. Pāli: dhammānudhammāpaṭipāda, thực hành pháp và tùy pháp, hay sự thực hành tùy thuận với pháp.

⁵¹. Hán: tự an ủy 自安慰. Pāli: attahitāya paṭipanno, thực hành vì mục đích tự lợi.

⁵². Hán: an ủy tha 安慰他. Pāli: parahitāya.

mình giữ tịnh giới, nhưng không thể khiến cho người khác giữ giới có đủ; tự mình làm việc bố thí, nhưng không thể xác lập bố thí nơi người khác; tự mình đi chùa tháp, đến gặp các Sa-môn, nhưng không thể khuyên người khác đi chùa tháp, đến gặp Sa-môn; tự mình chuyên nghe pháp, nhưng không thể khuyên người thích nghe Chánh pháp; nghe Chánh pháp tự mình thọ trì, nhưng không thể khiến người khác thọ trì Chánh pháp; tự mình có thể quán sát nghĩa lý sâu xa, nhưng không thể khuyên người quán sát nghĩa lý sâu xa; tự mình biết pháp sâu xa có thể tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp, nhưng không thể khuyên người khiến họ tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp.

Này Ma-ha-nam, người thành tựu tám pháp như vậy, thì đó gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an ủy, nhưng không thể an ủy người khác.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Ưu-bà-tắc thành tựu bao nhiêu pháp để tự an ủy và giúp người được an ủy?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, đó gọi là Ưu-bà-tắc tự an ủy và giúp người được an ủy.”

“Những gì là mười sáu pháp?”

“Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc đủ có chánh tín và cũng xác lập cho người khác; tự mình giữ tịnh giới, cũng xác lập tịnh giới cho người khác; tự mình hành bố thí và dạy người hành bố thí; tự mình đến chùa tháp gặp các Sa-môn, cũng dạy người khác đến gặp các Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe pháp, cũng dạy người nghe; tự mình thọ trì pháp và dạy người khác thọ trì; tự mình quán sát nghĩa dạy người quán sát; tự mình biết nghĩa lý sâu xa tùy thuận tu, hành pháp thứ, pháp hướng, cũng lại dạy người hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận tu hành hướng đến pháp, thứ pháp. Này Ma-ha-nam, người nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, được gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an ủy và làm người khác được an ủy.

“Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, thì tất cả người trong các chúng Bà-la-môn, chúng Sát-lợi, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn đều đến chỗ họ. Ở trong các chúng này, oai đức của họ sáng chói. Giống như mặt trời, ánh sáng chiếu soi

cả sáng, trưa, chiều. Cũng vậy, Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, thì oai đức họ cũng tỏ rạng cả đầu, giữa và cuối. Như vậy, này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp thì đó là một điều mà thế gian khó thành tựu được.”

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam đòng họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

**
*

KINH 930. TỰ KHÚNG⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nước Ca-tỳ-la-vệ này đang an ổn thịnh vượng, nhân dân phát đạt. Mỗi khi con ra vào, người vật theo hai bên, nào voi diên, người diên, xe diên, thường cùng đi với chúng. Con tự sợ là mình phải cùng sống, cùng chết với bọn diên cuồng này mà quên mất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng. Con tự nghĩ, sau khi mạng chung sẽ sanh vào nơi nào?”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Đừng sợ hãi! Đừng sợ hãi! Sau khi mạng chung ông sẽ không sanh đường dữ, cũng không chết dữ. Thí như cây lớn thuận xuống, nghiêng xuống, chúi xuống, nếu chặt gốc rễ, sẽ ngã về nơi nào?”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Về phía thuận xuống, nghiêng xuống, chúi xuống.”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Ma-ha-nam cũng như vậy, khi mạng chung không sanh đường dữ, cũng không chết dữ. Vì sao? Vì ông đã lâu dài tu tập niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, nên sau khi mạng chung, thân này bị hỏa thiêu, hay bỏ ngoài nghĩa địa, bị gió tấp, nắng thiêu lâu ngày thành tro bụi, nhưng vì tâm ý thức đã lâu dài từ trước được huân tập bởi

⁵³ Pāli, S. 55.21-22 Mahānāma.

chánh tín, bởi tịnh giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, nên thần thức sẽ hướng lên cõi an lạc, đời sau sanh về cõi trời.”

Sau khi Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

**
*

KINH 931. TU TẬP TRỤ⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam dòng họ Thích đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo còn ở nơi học địa mà cầu lên Niết-bàn an ổn chưa được, bạch Thế Tôn, người ấy nên tu tập thế nào, tu tập nhiều, để ở trong Pháp luật này được hết các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau⁵⁵?’”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Nếu Tỳ-kheo còn nơi học địa mà cầu lên Niết-bàn an ổn chưa được, thì Tỳ-kheo ấy lúc bấy giờ, nên tu sáu niệm... *cho đến* lên được Niết-bàn. Thí như người đói khát, thân thể ốm yếu, được thức ăn ngon, thân thể mập mạp. Cũng vậy Tỳ-kheo trụ nơi học địa, cầu con đường lên Niết-bàn an ổn chưa được, nên tu sáu tùy niệm... *cho đến* chóng đắc Niết-bàn an ổn.

“Những gì là sáu niệm?

“Đối với Phật sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử lúc nhớ nghĩ như vậy không khởi tham dục triền, không

⁵⁴. Pāli, A. 6.10 Mahānāma. Cf. N^o100(156).

⁵⁵. Bản Pāli: ariyasāvako āgataphalo viññātasāsano so katamena vihārena bahulam viharati, Thánh đệ tử đã đắc quả, đã hiểu biết giáo pháp, sống nhiều với sự an trụ nào?

khởi tâm sân nhuế, ngu si, tâm chánh trực, đạt nghĩa Như Lai⁵⁶ và được Chánh pháp của Như Lai. Đối với Chánh pháp Như Lai và đối với Như Lai đạt được tâm tùy hỷ⁵⁷. Do tâm tùy hỷ nên hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân khinh an. Do thân khinh an nên được cảm giác lạc. Do được cảm giác lạc nên tâm được định. Do tâm đã định nên vị Thánh đệ tử này dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm⁵⁸ mà không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp... *cho đến* Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với Pháp sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Pháp luật của Thế Tôn, ngay trong đời này⁵⁹ có thể ãa nhiệt não sanh tử, không đợi thời tiết, thông đạt hiện pháp, duyên tự mình mà giác tri. Thánh đệ tử niệm pháp như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến* ý nhớ nghĩ pháp được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với Tăng sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Đệ tử Thế Tôn là những vị thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, thành hướng⁶⁰, hành pháp tùy thuận, có hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm, hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm, hướng A-la-hán, đắc A-la-hán, là bốn đôi tám bậc Hiền thánh. Đó gọi là đệ tử Tỳ-kheo Tăng, tịnh giới có đủ, tam-muội có đủ, trí tuệ có đủ, giải thoát có đủ, giải thoát tri kiến có đủ của Thế Tôn; đáng được tôn nghinh, thừa sự cúng dường, là ruộng phước tốt. Thánh đệ tử khi niệm tưởng

⁵⁶. Kỳ tâm chánh trực, đắc Như Lai nghĩa 其心正直得如來義. Pāli: ujugatamevassa tasmim samaye cittaṃ hoti tathāgataṃ ārabba, “lúc bấy giờ tâm vị ấy chánh trực do liên hệ đến Như Lai”: Trong bản Pāli, ārabba là bất biến từ, nên câu này có nghĩa (tâm chánh trực do) “liên hệ đến Như Lai”. Bản Hán hiểu là động từ ārabhati, nên có nghĩa là “đạt được nghĩa của Như Lai”.

⁵⁷. Pāli: labhati dhammūpasamhitam pāmojjaṃ, đạt được sự tùy hỷ liên hệ đến pháp.

⁵⁸. Pāli: savyāpajjāya pajāya avyāpajjo viharati, sống không hiểm hận đối với người hiểm hận.

⁵⁹. Hán: hiện pháp 現法. Pāli: sadiṭṭhiko, *hiện kiến*, kết quả được thấy ngay hiện tại.

⁶⁰. Hán: thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, thành hướng 善向, 正向, 直向, 成向. Pāli: supaṭipanno (diệu hành), ujuṭipanno (chất trực hành), nāyapaṭipanno (như lý hành), samīcipaṭipanno (hòa kính hành).

Tăng sự như vậy thì không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến* niệm tưởng Tăng được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với Tịnh giới sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Giới không hoại, giới không khuyết, giới không nhờn, giới không tạp, giới không bị nô lệ⁶¹, giới được khéo hộ trì, giới được người sáng suốt ca ngợi, giới được người trí không nhầm chán. Thánh đệ tử khi niệm tưởng giới như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến* niệm tưởng giới được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với Bồ thí sự, Thánh đệ tử tự niệm tưởng: Ta được lợi lộc tốt, giữa những chúng sanh xan cấu mà ta ìa được tâm xan cấu, sống không nhà⁶², thực hành bồ thí giải thoát, thường tự tay bồ thí; thích pháp hành xả, bồ thí bình đẳng có đủ. Lúc Thánh đệ tử niệm tưởng bồ thí như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si,... *cho đến* niệm tưởng bồ thí được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với chư Thiên, Thánh đệ tử niệm tưởng: Có Tứ đại thiên vương, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên. Nếu người nào có lòng chánh tín, khi mệnh chung ở đây sẽ sanh lên các cõi trời kia. Ta cũng sẽ thực hành chánh tín này. Vị kia có tịnh giới, thí, vãn, xả, tuệ đến khi mệnh chung ở đây đã sanh lên cõi trời kia. Nay ta cũng sẽ thực hành giới, thí, vãn, xả, tuệ này. Thánh đệ tử niệm tưởng thiên như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si, tâm chánh trực duyên đến (nhớ nghĩ) chư Thiên. Thánh đệ tử kia do trực tâm như vậy mà đạt được pháp lợi, nghĩa lợi sâu xa, được tùy hỷ lợi ích của chư Thiên. Do tùy hỷ nên sanh hoan hỷ. Do hoan hỷ nên thân khinh an. Do thân đã khinh an nên được cảm giác lạc. Do được cảm giác lạc rồi nên tâm được định. Do tâm đã định nên vị Thánh đệ tử này dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm cũng không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp. Vì niệm tưởng chư Thiên được huân tập, nên thăng tiến Niết-bàn.

⁶¹. Bất thủ tha giới 不取他戒: “không bị người khác lấy đi”; không rõ ý. Có lẽ muốn nói: không bị người khác chi phối. Pāli: bhujissa, *tự do*, chỉ người nô lệ được giải phóng; đây chỉ giới của người tự do, không bị áp đặt cưỡng chế.

⁶². Xem cht.45, kinh 927.

“Này Ma-ha-nam, nếu Tỳ-kheo nào còn ở học địa, muốn cầu lên Niết-bàn an lạc, mà tu tập nhiều như vậy, tất chóng được Niết-bàn, ở trong Chánh pháp luật các lậu nhanh chóng diệt tận, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, nhưng việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh iễ rồi lui.

**
*

KINH 932. THẬP NHẤT⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn. Lúc ấy Thích Ma-ha-nam nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn vá y cho Thế Tôn nói rằng: ‘Không bao lâu, sau ba tháng an cư, khi vá y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, mang bát, du hành trong nhân gian.’ Nghe xong, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn, cả người con bất an, bốn phương mờ mịt, pháp đã nghe đều quên hết. Vì nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn, nói rằng: ‘Không bao lâu, sau ba tháng an cư, khi vá y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, mang bát, du hành trong nhân gian.’ Cho nên nay con suy nghĩ: ‘Lúc nào mới gặp lại được Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?’”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Dù có gặp, hay chẳng gặp Như Lai và có gặp, hay chẳng gặp các Tỳ-kheo quen biết, ông chỉ cần niệm tưởng năm pháp và tinh cần tu tập. Này Ma-ha-nam, nên lấy chánh tín làm chủ, chứ không phải là không chánh tín; lấy giới có đủ, nghe có đủ, thí có đủ, tuệ có đủ làm gốc, chứ không phải là không trí tuệ.

“Cũng vậy, Ma-ha-nam, căn cứ vào năm pháp này, tu sáu niệm

⁶³. Pāli, A. 11.12 Mahānāma.

xứ. Những gì là sáu? Ma-ha-nam, niệm Như Lai, nên niệm như vậy: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng, Chánh Giác... *cho đến* Phật, Thế Tôn. Nên niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên sự... *cho đến* tự thực hành, đạt trí tuệ.

“Cũng vậy, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp, thì sự học trọn không bại hoại, có khả năng tri kiến, có khả năng quyết định, trụ cửa cam lộ, gần vị giải thoát, chứ không thể tất cả cùng lúc chónh đắ cam lộ Niết-bàn. Ví như gà ấp trứng, năm hoặc mười trứng, tùy thời ấp nghỉ, thương yêu bảo vệ chăm sóc; cho dù khoảng giữa lại bỏ bê, cũng còn có thể dùng móng hoặc mỏ để mổ vỡ trứng cho gà con chui ra. Vì sao? Vì gà mẹ lúc ban đầu đã biết tùy thời ấp ủ hay nghỉ ngơi, khéo thương yêu bảo vệ. Cũng vậy, Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp, là trụ nơi sự học trọn không bại hoại... không thể tất cả cùng lúc chónh đắ cam lộ Niết-bàn.”

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam dòng họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi lui.

**
*

KINH 933. THẬP NHỊ⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn để vá y cho Thế Tôn. Lúc ấy Ma-ha-nam họ Thích nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn nói rằng: ‘Không bao lâu, sau ba tháng an cư khi vá y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, mang bát du hành trong nhân gian.’ Nghe xong, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, cả người con bất an, bốn phương mờ mịt, trước đây những pháp đã nghe bấy giờ bỗng quên hết, vì nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn,... *cho đến* du hành trong nhân gian. Con suy nghĩ: ‘Lúc nào mới gặp lại được Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?’”

⁶⁴. Pāli, A. 11.13 Mahānāma.

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Dù có gặp hay chẳng gặp Như Lai và có gặp, hay chẳng gặp các Tỳ-kheo quen biết, ông lúc nào cũng vẫn phải siêng năng tu sáu pháp. Những gì là sáu pháp? Chánh tín là gốc; giới, thí, vãn, không, tuệ là căn bản, chứ không phải không trí tuệ. Cho nên, Ma-ha-nam, căn cứ vào sáu pháp này, mà nỗ lực tu tập tăng thượng sáu tùy niệm: Từ niệm Như Lai sự... *cho đến* niệm Thiên. Thành tựu được mười hai niệm này, Thánh đệ tử đó giảm bớt các điều ác, không còn tăng trưởng và bị tiêu diệt không khởi nữa; lìa trần cấu, không tăng trần cấu; lìa bỏ không bám giữ, vì không bám giữ nên không dính mắc; vì không dính mắc nên tự chứng Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam dòng họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ rồi lui.

**
*

KINH 934. GIẢI THOÁT⁶⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Theo như những gì Phật đã dạy, con hiểu: Nhờ chánh định⁶⁶ nên giải thoát, không thể không có chánh định. Thế nào, bạch Thế Tôn, có phải đạt chánh định trước, sau mới giải thoát, hay là giải thoát trước rồi sau mới đạt chánh định? Hay chánh định và giải thoát không trước không sau, cả hai sanh cùng lúc?”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng, Ma-ha-nam ba lần hỏi như vậy, nhưng Phật vẫn im lặng. Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang đứng sau Phật, cầm quạt hầu Phật, A-nan nghĩ: ‘Ma-ha-nam họ Thích đem nghĩa lý sâu xa hỏi Thế Tôn, nhưng Thế Tôn vừa khỏi bệnh chưa lâu. Bây giờ ta nên nói

⁶⁵. Pāli, A. 3.73 Sakka, N^o100(158).

⁶⁶. Nguyên Hán: chánh thọ 正受, tức Pāli samāpatti. Nhưng bản Pāli: samahitassa nāṇam, người được chánh định thì có chánh trí.

sang chuyện khác để tiếp lời ông.’

“Này Ma-ha-nam, bậc hữu học cũng có giới, bậc vô học cũng có giới; bậc hữu học có tam-muội, bậc vô học cũng có tam-muội; bậc hữu học có tuệ, bậc vô học cũng có tuệ; bậc hữu học có giải thoát, bậc vô học cũng có giải thoát.”

Ma-ha-nam hỏi Tôn giả A-nan:

“Thế nào là giới của bậc hữu học? Thế nào là giới của bậc vô học? Thế nào là tam-muội của bậc hữu học? Thế nào là tam-muội của bậc vô học? Thế nào là tuệ của bậc hữu học? Thế nào là tuệ của bậc vô học? Thế nào là giải thoát của bậc hữu học? Thế nào là giải thoát của bậc vô học?”

Tôn giả A-nan bảo Ma-ha-nam:

“Vị Thánh đệ tử này an trụ nơi tịnh giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, oai nghi, hành xứ; thọ trì học giới; khi đã thọ trì học giới thành tựu rồi, ly dục, pháp ác bất thiện... *cho đến* chứng và an trụ Tứ thiên. Khi đã có đủ tam-muội như vậy rồi, biết như thật ‘Đây là Thánh đế khổ’, biết như thật ‘Đây là Thánh đế khổ tập’, biết như thật ‘Đây là Thánh đế khổ diệt’, biết như thật ‘Đây là Thánh đế khổ diệt đạo’. Biết như vậy, thấy như vậy rồi, năm hạ phần kết là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế, được đoạn tận, được biến tri. Khi năm hạ phần kết này đã đoạn trừ-rồi, sanh lên cõi kia, đấng Niết-bàn A-na-hàm, không sanh trở lại trong cõi này nữa. Ngay lúc ấy họ thành tựu học giới, học tam-muội, học tuệ và học giải thoát.

“Lại một lúc khác, các hữu iậu sẽ hết, vô lậu giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Lúc bấy giờ, vị ấy thành tựu vô học giới, vô học tam-muội, vô học tuệ, vô học giải thoát.

“Ma-ha-nam, đó gọi là những gì Thế Tôn nói về học giới, học tam-muội, học tuệ, học giải thoát của bậc hữu học; vô học giới, vô học tam-muội, vô học tuệ, vô học giải thoát của bậc vô học là như vậy.”

Sau khi Ma-ha-nam dòng họ Thích nghe những gì Tôn giả A-nan nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật rồi lui.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Ma-ha-nam vừa đi chưa lâu, bảo Tôn giả A-nan:

“Họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng các Tỳ-kheo bàn luận nghĩa lý sâu xa chăng?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vâng, họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng bàn luận nghĩa lý sâu xa với các Tỳ-kheo.”

Phật bảo A-nan:

“Những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ sẽ nhanh chóng được lợi tốt, bằng tuệ nhãn của Hiền thánh có thể thâm nhập vào pháp Phật sâu xa.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 935. SA-ĐÀ⁶⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có họ Thích, tên Sa-đà⁶⁸, nói với Ma-ha-nam:

“Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?”

Ma-ha-nam đáp:

“Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn? Đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại, thành tựu Thánh giới, đó gọi là Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp.”

Sa-đà bảo Ma-ha-nam:

“Tôn giả chớ nói, chớ bảo rằng: ‘Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp’, nhưng sau đó Tu-đà-hoàn chỉ thành tựu ba pháp. Những gì là ba? Đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại. Như vậy, Tu-đà-hoàn thành tựu ba pháp, ba lần nói như vậy.”

“Ma-ha-nam họ Thích, không thể khiến cho Sa-đà chấp nhận bốn pháp và Sa-đà họ Thích cũng không thể khiến cho Ma-ha-nam chấp nhận ba pháp. Cả hai cùng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, Ma-ha-nam họ Thích, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Sa-đà họ Thích lại chớ con, hỏi: ‘Thế Tôn nói

⁶⁷. Pāli, S. 55.23 Godhā. Cf. N^o100(159). ~

⁶⁸. Thích thị Sa-đà 釋氏沙陀. Pāli: sakko godhā.

Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?’ Con liền đáp: ‘Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, có lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới.’ Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp như vậy. Sa-đà họ Thích nói: ‘Ma-ha-nam họ Thích chớ nói rằng: Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp; mà Tu-đà-hoàn thành tựu chỉ ba pháp. Những gì là ba? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại. Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu ba pháp như vậy’, nói ba lần như vậy.

“Con cũng không thể khiến cho Sa-đà họ Thích chấp nhận bốn pháp và Sa-đà cũng không thể làm cho con chấp nhận ba pháp. Cho nên cả hai đến chỗ Thế Tôn, nay xin hỏi Thế Tôn Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?”

Bấy giờ, Sa-đà họ Thích từ chỗ ngồi đứng lên lễ Phật và chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu có những pháp tương tự như vậy xảy ra, mà một bên là Thế Tôn, một bên là Tỳ-kheo Tăng, thì con sẽ theo Thế Tôn, không theo Tỳ-kheo Tăng. Hoặc có những tương tự như vậy xảy ra, mà một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hoặc Trời, hoặc Ma, Phạm, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Người thế gian, con cũng chỉ theo Thế Tôn, không theo các chúng khác.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ma-ha-nam:

“Theo Ma-ha-nam, Sa-đà họ Thích lý luận như vậy, còn người thì thế nào?”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Sa-đà họ Thích lý luận như vậy, con còn biết nói sao đây, mà con chỉ còn nói tốt, nói chân thật thôi.”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Cho nên phải biết Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp: Là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới và nên thọ trì như vậy.”

Sau khi Ma-ha-nam họ Thích nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ rồi lui.

**
*

KINH 936. BÁCH THỦ⁶⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tụ tập tại nhà cúng dường bàn luận, hỏi:

“Ma-ha-nam, thế nào là lời thọ ký tối hậu? Bách Thủ họ Thích⁷⁰ mệnh chung, Thế Tôn thọ ký người này đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường ác, nhất định hướng thẳng Chánh giác, còn bảy lần qua lại trời, người, cứu cánh thoát khổ. Nhưng Bách Thủ họ Thích phạm giới uống rượu mà Thế Tôn lại thọ ký người này đắc Tu-đà-hoàn... *cho đến* cứu cánh thoát khổ. Nay Ma-ha-nam, ông nên đến hỏi Phật rồi như những gì Phật dạy, chúng ta sẽ vâng theo.”

Khi ấy Ma-ha-nam đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con, những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tụ tập tại nhà cúng dường bàn luận như vậy: ‘Ma-ha-nam, thế nào là lời nói thọ ký tối hậu? Trong đó Bách Thủ họ Thích mệnh chung, Thế Tôn thọ ký đắc quả Tu-đà-hoàn... *cho đến* cứu cánh thoát khổ. Nay ông nên đến hỏi lại Thế Tôn, như những gì Thế Tôn dạy chúng ta sẽ vâng theo.’ Bấy giờ con xin hỏi Phật, xin Ngài giải thích cho.”

Phật bảo Ma-ha-nam:

“Thánh đệ tử nói: ‘Đại Sư Thiện Thệ! Đại Sư Thiện Thệ!’ Miệng nói thiện thệ mà tâm chánh niệm, chánh kiến, tất nhiên thâm nhập Thiện thệ. Thánh đệ tử nói: ‘Chánh pháp luật! Chánh pháp luật!’ Miệng nói Chánh pháp luật, mà phát tâm chánh niệm, chánh kiến, tất nhiên thâm nhập Chánh pháp. Thánh đệ tử nói: ‘Thiện hướng Tăng! Thiện hướng Tăng!’ Miệng nói thiện hướng, mà phát tâm chánh niệm, chánh kiến thì tất nhiên nhập thiện hướng. Như vậy, nay Ma-ha-nam, Thánh đệ tử đối với Phật một lòng tịnh tín; đối với Pháp, Tăng một lòng tịnh tín; đối với pháp có lợi trí, xuất trí, quyết định trí, bát giải thoát thành tựu, thân tác chứng, bằng trí tuệ mà thấy hữu lậu đã đoạn,

⁶⁹. Pāli, S. 55.24 Sarakāni. Cf. N^o100(160).

⁷⁰. Bách Thủ Thích Thị 百手釋氏. Pāli: Sarakāni. Trong bản Hán: Satapāni.

đã biến tri. Như vậy, Thánh đệ tử không hướng vào địa ngục, ngã quý, súc sanh, chẳng đọa đường ác, nói là A-la-hán Câu giải thoát⁷¹.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, không đạt được bát giải thoát, thân tác chứng, thành tựu an trụ, nhưng vị ấy thấy, biết hữu lậu đã đoạn. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Tuệ giải thoát⁷².

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, tuy đã được bát giải thoát, thân tác chứng, an trụ có đủ, nhưng không thấy hữu lậu đoạn. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Thân chứng⁷³.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, không được bát giải thoát, thân tác chứng, thành tựu an trụ, nhưng thấy biết như thật đối với Chánh pháp luật. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Kiến đạo.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, tuy có thấy biết như thật đối với Chánh pháp luật, nhưng chẳng được Kiến đạo. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Tín giải thoát.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật⁷⁴, tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Pháp, của Tăng, đối với năm pháp làm tăng trưởng trí tuệ, quán sát kỹ lưỡng, lãnh thọ tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Tùy pháp hành.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật, tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Pháp, của Tăng,... *cho đến*

71. A-la-hán câu giải thoát 阿羅漢俱解脫, hay câu phần giải thoát; A-la-hán chứng diệt tận định. Bản Pāli không có chi tiết này.

72. A-la-hán tuệ giải thoát 阿羅漢慧解脫, có tuệ nhưng không chứng diệt tận định.

73. Thân chứng 身證. A-na-hàm có diệt tận định được gọi là Thân chứng.

74. Nhưng vị này chưa thành tựu bốn chứng tịnh.

năm pháp ít trí tuệ, quán sát kỹ lưỡng, lãnh thọ tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác,... *cho đến* Tùy tín hành.

“Ma-ha-nam, ví như cây kiên cố⁷⁵ này, đối với những gì Ta đã nói mà có thể hiểu nghĩa thì thật không có việc này; nếu nó có thể hiểu thì Ta cũng thọ ký, hướng chi Bách Thủ hộ Thích mà Ta không thọ ký đắc Tu-đà-hoàn.

“Này Ma-ha-nam, Bách Thủ hộ Thích lúc sắp chết, nhờ thọ trì tịnh giới, bỏ uống rượu nên sau khi mệnh chung Ta ký thuyết ông đắc Tu-đà-hoàn,... *cho đến* cứu cánh thoát khổ.”

Ma-ha-nam hộ Thích nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ rồi lui.

**
*

KINH 937. HUYẾT⁷⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại giảng đường Trùng các, bên ao Di hâu, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có bốn mươi Tỳ-kheo⁷⁷ ở làng Ba-lê-da⁷⁸, tất cả đều tu hạnh a-lan-nhã với y phẩn tảo và đi khát thực⁷⁹, còn ở địa vị hữu học, chưa ly dục. Họ cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm: ‘Bốn mươi Tỳ-kheo này đang ở làng Ba-lê-da, đều tu hạnh a-lan-nhã với y phẩn tảo và đi khát thực, còn ở địa vị hữu học, chưa ly dục. Hôm nay Ta nên thuyết pháp cho họ để ngay đời này họ chẳng khởi các lậu, tâm được giải thoát.’ Thế Tôn

⁷⁵. Kiên cố thọ 堅固樹, chỉ cây ni-câu-luật (loại); Pāli: nigrodha.

⁷⁶. Ấn Thuận Hội Biên, “45. Tương ưng Vô thủy” gồm hai mươi chín kinh, số 13277-13296. Đại Chánh, kinh số 937-956, phần sau quyển 33 và một phần đầu quyển 34. Kinh 937, Pāli, S. 15.13. Timsamattā.

⁷⁷. Bản Pāli: timsamttā bhikkhū, chỉ có ba mươi Tỳ-kheo.

⁷⁸. Ba-lê-da tụ lạc 波梨耶聚落. Pāli: Pāveyyakā.

⁷⁹. A-luyện-nhã, phẩn tảo y, khát thực 阿練若, 糞掃衣, 乞食, hành trì ba trong mười hai hạnh đầu đà: chỉ sống trong rừng, chỉ khoác y phẩn tảo và chỉ khát thực (không nhận lời mời). Pāli: araññakā paṃsukūlikā piṇḍapātikā.

bảo bốn mươi Tỳ-kheo ở làng Ba-lê-da:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử, bị vô minh che lấp, ái buộc cổ, mãi mãi xoay vần sanh tử, chẳng biết biên tế nguyên thủy của khổ⁸⁰.”

“Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Nước sông Hằng cuộn cuộn chảy vào biển lớn, trong khoảng ấy nước sông Hằng nhiều? hay là các ông từ trước đến nay bị xoay vần trong sanh tử, thân thể bị phá hoại, máu tuôn chảy nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Theo chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, chúng con đã trôi lăn trong sanh tử quá lâu, thân chúng con bị phá hoại, máu chảy rất nhiều, nhiều gấp trăm ngàn vạn lần nước sông Hằng.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy bỏ qua nước sông Hằng. Cho đến, nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là các ông trôi lăn trong sanh tử, thân xác bị phá hoại, máu tuôn chảy là nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Thế Tôn nói, chúng con đã trôi lăn trong sanh tử, thân bị phá hoại, máu tuôn chảy rất nhiều, nhiều hơn cả nước bốn biển lớn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Các ông mãi luân chuyển sanh tử, máu trong thân thể tuôn chảy rất nhiều, hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Vì các ông đã từng sanh trong loài voi, hoặc bị cắt tai, mũi, đầu, đuôi, bốn chân, máu huyết vô lượng; hoặc mang thân ngựa, thân lạc đà, thân trâu, chó, thân các loài cầm thú bị cắt đứt tai, mũi, đầu, chân, toàn thân, máu tuôn chảy vô lượng. Các ông đã từng bị giặc cướp, bị người sát hại, cắt đứt đầu, chân, tai, mũi, toàn thân bị phân ly, máu tuôn chảy vô lượng. Các ông đã từng chịu thân hoại mệnh chung bỏ trong nghĩa địa, máu huyết tanh nồng, tuôn chảy số lượng không lường; hoặc đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, rồi thân hoại mệnh chung, máu huyết tuôn chảy cũng vô lượng.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

⁸⁰. Pāli: anamataggoyam saṃsāro, pubbā koṭi na paññāyati, sự luân chuyển này là vô thủy, không biết được giới hạn tối sơ của nó.

“Sắc là thường hay vô thường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vô thường.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Vô thường là khổ chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Là khổ.”

Phật bảo:

“Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, Thánh đệ tử có thể ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Đối thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.”

Phật bảo:

“Những gì thuộc về sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết như thật thế. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thánh đệ tử quán sát như thế đối với sắc sanh chán lìa, đối thọ, tưởng, hành, thức sanh chán lìa, đã chán lìa nên chẳng ưa thích, vì chẳng ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.’”

Khi Phật nói pháp này, bốn mươi Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

*

KINH 938. LỆ⁸¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà trong vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử cho đến nay, cứ mãi xoay vần, không biết được biên tế nguyên thủy của khổ.

⁸¹. Nước mắt. Pāli. S. 15,3 Assu.

“Các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng... nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là nước mắt của các ông tuôn ra trong vòng sanh tử luân hồi là nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, nước mắt của chúng con tuôn rơi trong vòng sanh tử luân hồi rất nhiều, nhiều hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Nước mắt của các ông tuôn rơi trong vòng sanh tử luân hồi rất nhiều, chứ không phải nước sông Hằng và nước bốn biển. Vì sao? Vì các ông đã từng bị mất cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc, người quen, bị mất mát tiền của, nước mắt tuôn rơi cho những sự mất mát đó nhiều vô lượng. Các ông cứ mãi bị ném ra nghĩa địa, máu tanh chảy ra, rồi sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

“Này các Tỳ-kheo, các ông từ vô thỉ sanh tử luân hồi, máu và nước mắt trong thân rất nhiều, nhiều vô lượng.

“Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vô thường.

“Nếu vô thường, đó là khổ chăng?”

“Bạch Thế Tôn, khổ.

“Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.

“Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như thế.

“Này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử biết như thế, thấy như thế... đối với sắc giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức, giải thoát, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 939. MẪU NHỮ⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử, bị vô minh che lấp, ái trói cổ, cứ mãi luân chuyển chẳng biết cội gốc của khổ.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các Tỳ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng và nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là sữa mẹ mà các ông uống mãi luân chuyển trong sanh tử là nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Như chúng con hiểu ý nghĩa lời Phật nói, sữa mẹ mà chúng con đã uống trong vòng sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Sữa mẹ mà các ông đã uống trong vòng sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Các ông đã từng hoặc sanh trong loài voi, uống sữa mẹ vô lượng, vô số; hoặc sanh làm lạc đà, ngựa, trâu, lừa v.v... các loài cầm thú uống sữa mẹ vô lượng vô số. Các ông đã từng bỏ thân nơi gò mả, máu mủ cũng tuôn chảy vô lượng; hoặc đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, máu tửy tuôn chảy cũng như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, các ông từ vô thủy sanh tử đến nay, chẳng biết cội gốc của khổ. “Này các Tỳ-kheo, sắc là thương hay vô thường?”

“Bạch Thế Tôn, vô thường.”

“... Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, đối với tất cả pháp thế gian đều không chấp thủ, vì không chấp thủ nên không dính mắc, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



⁸². Sữa mẹ. Pāli, S. 15.4 Khīraṃ.

TẬP A-HÀM QUYỂN 34

KINH 940. THẢO MỘC¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thỉ² sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ³ của khổ. Các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ thế nào? Tất cả loại cỏ cây trên mặt đất này, nếu xẻ ra làm thẻ bằng bốn ngón tay dùng để đếm cha mẹ của các ông đã trải qua sanh tử luân hồi, thì số thẻ tre đã hết, nhưng số cha mẹ các ông vẫn còn không hết.

“Này các Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo hãy học như vậy: ‘Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 941. THỔ HOÀN LIỆP⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Thế nào, các Tỳ-kheo? Nếu đem hết bùn đất

¹. Đại Chánh quyển 34. Ấn Thuận Hội Biên, vii. Như Lai sở thuyết tụng, 45. Vô thủy tương ứng, kinh số 1377. Quốc Dịch, viii. Như Lai tụng, 5. Vô thủy tương ứng, kinh 13400. Phật Quang, quyển 34, kinh 932. Tương đương Pāli, S. 15, 1. Tīṇakaṭṭham. Hán, N^o100(336).

². Pāli: amatagga, khởi thủy không thể ước lượng.

³. Hán: bản tế 本際. Pāli: pubbā koṭi.

⁴. Hòn đất. Pāli: 15.2 Pathavī. Hán: N^o100(336).

nơi đại địa này vo lại thành viên như trái bà-la⁵ để đếm cha mẹ của các ông đã trải qua sanh tử luân hồi, thì số viên đất đã hết, nhưng số cha mẹ các ông vẫn còn không hết.

“Này các Tỳ-kheo, từ vô thủy sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo nên học như vậy: ‘Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 942. AN LẠC⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ-kheo, các ông thấy các chúng sanh hưởng thụ khoái lạc an ổn, thì nên nghĩ rằng: ‘Chúng ta mãi mãi ở trong sanh tử luân hồi, cũng đã từng hưởng thụ khoái lạc kia, thú vui kia vô lượng.’

“Này các Tỳ-kheo, từ vô thủy sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo nên học như vậy: ‘Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁵. Bà-la quả 婆羅果. N^o100(336): “như hạt đậu”. Pāli: kollāthimatta, như hạt quả táo.

⁶. Pāli: S.15.12. Sukhitam. Hán Biệt dịch, N^o100(335).

KINH 943. KHỔ NÃO⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ-kheo, nếu thấy các chúng sanh chịu các khổ não, thì nên nghĩ rằng: ‘Ta từ vô thủy sanh tử luân hồi mãi cho đến nay, cũng đã từng chịu khổ như vậy, đến số vô lượng.’

“Này các Tỳ-kheo, từ vô thủy sanh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo nên học như vậy: ‘Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành

**
*

KINH 944. KHỦNG BỐ⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Này các Tỳ-kheo, các ông thấy các chúng sanh mà sanh lòng sợ hãi, dựng đứng chân lông; nên nghĩ rằng: ‘Quá khứ chúng ta chắc chắn đã từng sát sanh, đã từng làm tổn thương, đã từng làm hại, đã từng làm ác tri thức, mãi mãi ở trong sanh tử luân hồi vô thủy, không biết biên tế tối sơ của khổ.’

“Các Tỳ-kheo, nên học như vậy: Hãy đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

7. Pāli: S.15,11. Duggatam. Hán Biệt dịch, N^o100(336).

8. Pāli: tham chiếu các kinh trên. Hán, N^o100(337).

KINH 945. ÁI NIỆM⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ-kheo, nếu thấy chúng sanh mà khởi ái niệm hoan hỷ, thì nên nghĩ rằng: ‘Chúng sanh như vậy, trong đời quá khứ chắc chắn đã từng là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, thầy bạn, tri thức của chúng ta, cứ mãi mãi luân chuyển sanh tử như vậy, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo, nên học như vậy: Hãy nỗ lực tinh cần, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành

**
*

KINH 946. HẰNG HÀ¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Ba-la-môn đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi, sau khi chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, đời vị lai sẽ có bao nhiêu Đức Phật?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Phật đời vị lai có vô lượng như số cát sông Hằng.”

Bấy giờ, Bà-la-môn nghĩ rằng:

“Các Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác đời vị lai sẽ có vô lượng như số cát sông Hằng, ta sẽ theo các Ngài tu phạm hạnh.”

Bà-la-môn sau khi đã nghe những gì Đức Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Trên đường về, Ba-la-môn vừa đi vừa nghĩ: “Hôm nay ta chỉ hỏi Sa-môn Cù-đàm về chư Phật đời vị lai chứ chưa hỏi chư Phật quá khứ.” Liên trở lại hỏi Thế Tôn:

⁹. Pāli: 15. 14-19. Mātā, v.v... Hán, N^o100(338).

¹⁰. Pāli: S.15.8. Gaṅgā. Hán, N^o100(339).

“Thế nào Cù-đàm, đời quá khứ có bao nhiêu Đức Phật?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Phật đời quá khứ cũng có vô lượng như số cát sông Hằng.”

Lúc ấy Bà-la-môn liền nghĩ: “Chư Phật Thế Tôn trong đời quá khứ cũng có vô lượng như số cát sông Hằng, mà ta chưa từng thân cận. Giả sử vô lượng các Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời vị lai như số cát sông Hằng, cũng sẽ không thân cận vui vậy, thì trong hiện tại ta nên ở chỗ Sa-môn Cù-đàm tu hành phạm hạnh.” Nhân đó chấp tay bạch Phật:

“Nguyện xin Thế Tôn cho phép con xuất gia tu phạm hạnh trong Chánh pháp luật.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Chấp thuận cho ông xuất gia tu phạm hạnh, được làm Tỳ-kheo trong Chánh pháp luật.”

Bấy giờ, Bà-la-môn liền được xuất gia thọ cụ túc, sau khi xuất gia một mình ở nơi thanh vắng tư duy về nguyên nhân làm cho người thiện nam, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà,... cho đến đắc A-la-hán.

**
*

KINH 947. LỤY CỐT¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở núi Tỳ-phú-la, thành Vương xá¹². Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một người¹³, ở trong một kiếp sanh tử luân hồi, xương trắng chồng chất không bị mục nát, như núi Tỳ-phú-la. Nếu vị Thánh đệ tử nào biết như thật về Thánh đế khổ này, biết như thật về sự tập khởi của khổ này, biết như thật về sự diệt tận của khổ này, biết như thật về

¹¹. Đống xương nọ. Pāli: S.15.10 Puggala (con người). Hán, N^o100(340), 101(11), 150A(30).

¹². Núi Tỳ-phú-la, thành Vương xá 王舍城毘富羅山. Pāli: Veppulla-pabbata; Nhưng S.15.10: Rājagahe Gijjhakūṭe pabbate. Trên núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.

¹³. Pāli: ekapuggalassa, đối với một con người.

con đường đưa đến sự diệt khổ này; sau khi vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tất đoạn trừ ba kết: thân kiến, giới thủ và nghi. Khi đoạn trừ được ba kết này, đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường ác, quyết định hướng thẳng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, cứu cánh thoát khổ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Một người, trong một kiếp,
Chồng chất xương cốt khô;
Để lâu không mục nát,
Như núi Tỳ-phú-la.
Nếu các Thánh đệ tử,
Chánh trí thấy chân đế;
Khổ cùng nguyên nhân khổ,
Lìa khổ được tịch diệt.
Tu tập tám con đường,
Hướng thẳng đến Niết-bàn;
Chỉ còn trải bảy lần,
Qua lại sanh trời người.
Sạch hết tất cả kết,
Giải thoát bờ mé khổ.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 948. THÀNH TRÌ¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử, mãi luân chuyển, không biết biên tế tối sơ của khổ.”

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục,

¹⁴. Quốc Dịch phẩm 2, kinh 13480-13417 (=984-956). Pāli: S.15.6. Sāsapā. Hán, N^o100(341), N^o125(52.3).

trịch áo vai phải, đánh lễ Đức Phật, quỳ gối sát đất, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, kiếp dài lâu như thế nào?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ta có thể vì ông mà nói, nhưng ông khó mà biết được!”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Ngài có thể nói thí dụ không?”

Phật bảo:

“Có thể nói. Nay Tỳ-kheo, thí như thành trì bằng sắt, vuông vức một do-tuần, từ trên xuống dưới cũng như vậy, bên trong đầy hạt cải. Cứ một trăm năm có người lấy một hạt cải. Số hạt cải kia có thể hết, nhưng kiếp vẫn còn chưa hết. Cũng vậy Tỳ-kheo, kiếp kia dài lâu như vậy. Kiếp dài cả trăm, ngàn, vạn, ức khổ lớn nối tiếp nhau, mà xương trắng chất thành gò, máu mủ chảy thành sông, trong các đường ác địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Tỳ-kheo, đó gọi là từ vô thủy sanh tử mãi luân hồi, không biết nguồn gốc khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 949. NÚI¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử, mãi luân chuyển, không biết biên tế tối sơ của khổ.”

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai phải, đánh lễ Đức Phật, quỳ gối sát đất, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, kiếp dài lâu như thế nào?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ta có thể vì ông mà nói, nhưng ông khó biết được!”

¹⁵. Pāli: S.15.5. Pabbata. Hán, N^o100(342).

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Ngài có thể nói thí dụ không?”

Phật bảo:

“Có thể nói. Nay Tỳ-kheo, thí như núi đá lớn không bị vỡ, không bị lở sụt, vuông vức một do-tuần. Nếu có người nào dùng mảnh lụa ca-thi kiếp-bối¹⁶, cứ một trăm năm phải qua một lần; phải không ngừng nghỉ. Núi đá mòn hết, nhưng kiếp vẫn còn chưa hết. Nay Tỳ-kheo, kiếp kia dài lâu như vậy, cả đến trăm, ngàn, vạn, ức kiếp chịu các khổ ão... *cho đến các Tỳ-kheo, nên học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’*”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 950. QUÁ KHỨ¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử, mãi luân hồi, không biết nguồn gốc khổ.”

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích áo vai phải, đánh lễ Đức Phật, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, quá khứ có bao nhiêu kiếp?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ta có thể vì ông mà nói, nhưng ông khó mà biết được!”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Ngài có thể nói thí dụ không?”

Phật bảo:

“Có thể nói. Nay Tỳ-kheo, thí như có người sống tới trăm tuổi. Buổi sáng nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Buổi trưa nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Buổi chiều nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Ngày nào cũng nhớ nghĩ

¹⁶. Ca-thi kiếp-bối 迦尸劫貝. Pāli: Kāsika vattha, vải sản xuất ở nước Kāsi.

¹⁷. Pāli, S.15.7. Sāvaka (các đệ tử). Cf. N^o100(343).

đến số kiếp như vậy, cho đến trăm tuổi mạng chung, cũng không thể nhớ được biên tế của số kiếp. Tỳ-kheo nên biết vô lượng số kiếp quá khứ như vậy. Vô lượng số kiếp quá khứ, mãi mãi chịu khổ và xương chát thành núi, máu mủ chảy thành sông, trong các đường ác địa ngục, súc sanh, ngã quý. Cũng vậy, Tỳ-kheo từ vô thủy sanh tử mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng’.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 951. VÔ HỮU NHẤT XÚ¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Không có một nơi nào mà không sanh không chết. Như vậy, từ vô thủy sanh tử mãi mãi không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 952. VÔ BÁT NHẤT XÚ¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Không có một nơi nào mà không có cha mẹ, anh

¹⁸. Không có một chỗ nào. Hán Biệt dịch, N^o100(344). Pāli, không thấy tương đương.

¹⁹. Không một nơi nào mà không. Pāli, S.15.14-19. Mātā, v.v... Cf. N^o100(345).

em, vợ con, quyến thuộc, thân thích, Sư trưởng. Cũng vậy, Tỳ-kheo, từ vô thỉ sanh tử mãi mãi luân hồi không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng’.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 953. BONG BÓNG NƯỚC MƯA²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Thí như trời mưa lớn, bong bóng nước thoáng sanh thoáng diệt. Cũng vậy, chúng sanh bị vô minh che lấp, ái cột cổ mình, từ vô thỉ sanh tử, nên sự sanh, sự chết mãi mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 954. CÓN MƯA TRÚT²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thỉ sanh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Thí như trời mưa lớn tầm tã khắp nơi, cả Đông, Tây,

²⁰. Pāli, tham chiếu, S.22.95: Phenam (bong bóng), S.48.50. Saddha (tín). Cf. N^o100(346).

²¹. Quốc Dịch gồm hai kinh: 1344. Đại vũ hồng chú 大雨洪澍; 1315. Trịch trượng 擲杖 (ném gậy). Pāli, S.15.9. Daṇḍa (cây gậy).

Nam, Bắc không nơi nào là không mưa. Cũng như, phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Trong vô lượng quốc độ, kiếp thành, kiếp hoại giống như trời mưa lớn, giọt mưa khắp nơi trong thiên hạ, không nơi nào là không mưa. Cũng vậy, từ vô thủy sanh tử luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ.

“Thí như ném gậy lên không trung, hoặc đầu rơi xuống đất, hoặc là đuôi rơi xuống đất, hoặc khoảng giữa rơi xuống đất. Cũng vậy, từ vô thủy sanh tử luân hồi mãi mãi, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ. Sanh tử vô thủy như vậy, luân chuyển mãi mãi. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chỗ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 955. NGŨ TIẾT LUÂN²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sanh tử, luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Nay Tỳ-kheo, thí như, hoặc có người lăn bánh xe năm tiết, luôn luôn lăn không nghỉ. Cũng vậy, chúng sanh lăn bánh xe vào năm đường, hoặc rơi vào đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cùng đường Trời, Người, lúc nào cũng lăn không dừng. Cũng vậy, vô thủy sanh tử luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chỗ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

²². Bánh xe 5 tiết (căm). Pāli, không thấy tương đương. Biệt dịch, N^o99(432), N^o100(349).

KINH 956. TỖ-PHÚ-LÀ²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở bên núi Tỳ-phú-la, tại thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hành vô thường, tất cả hành không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Các Tỳ-kheo, đối tất cả hành nên sanh yếm ly, cầu vui giải thoát. Các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ núi Tỳ-phú-la này gọi là núi Trường trúc²⁴. Chỗ dân chúng ở chung quanh núi gọi là ấp Đề-di-la²⁵. Người ấp Đề-di-la sống bốn vạn tuổi. Người ấp Đề-di-la lên đỉnh núi này, bốn ngày mới trở về. Đương thời có Phật Ca-la-ca Tôn-đề²⁶ Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện thế gian, thuyết pháp giáo hóa; pháp ấy, khoảng đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày hiển thị. Hiện tại tên núi Trường trúc cũng mất, dân chúng ấp Đề-di-la cũng không còn, Đức Phật Như Lai kia cũng đã vào Bát-niết-bàn. Tỳ-kheo nên biết, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch, đối tất cả hành, nên tu tập yếm ly, ly dục, giải thoát.

“Các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này gọi là Bằng-ca²⁷. Lúc ấy chỗ người dân cư trú chung quanh núi gọi là ấp A-tỳ-ca²⁸. Tuổi thọ người dân lúc ấy là ba vạn tuổi. Người A-tỳ-ca lên núi này trong vòng ba ngày mới trở về lại. Đương thời có Phật Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời, diễn nói kinh

²³. Pāli, S. 15.20. Vepullapbbatam. Biệt dịch, N^o100(350).

²⁴. Trường trúc sơn 長竹山. Pāli: Pācīnavamsa (dông trúc).

²⁵. Đề-di-la ấp 低彌羅邑. Pāli: Tivara.

²⁶. Ca-la-ca Tôn-đề 迦羅迦孫提 = Phật Câu-lưu-tôn. Pāli: Kakusandho.

²⁷. Bằng-ca 朋迦. Pāli: Vaṅkaka.

²⁸. A-tỳ-ca 阿毘迦. Pāli: Rohitassa (ngựa đỏ). Xem cht. 30 dưới.

pháp, khoảng đầu, khoảng giữa, chặn sau đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày, hiển thị. Các Tỳ-kheo, tên núi Bằng-ca kia đã mất từ lâu, dân ấp A-tỳ-ca từ lâu cũng không còn, Đức Phật Thế Tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Cũng vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Tỳ-kheo các ông, nên tu tập yếm ly, cầu vui giải thoát.

“Các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này tên là Tú-ba-la-thủ²⁹. Chỗ nhân dân cư ngụ quanh núi gọi là ấp Xích mã³⁰. Tuổi thọ người dân là hai vạn tuổi. Người dân ở đây lên đỉnh núi này trong vòng hai ngày mới về lại được. Đương thời có Phật Ca-diếp Như Lai, Ứng Cúng... *cho đến* xuất hiện ở đời, diễn nói kinh pháp, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng sau đều thiện; nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày, hiển thị. Tỳ-kheo, nên biết tên núi Ba-la-thủ đã mất từ lâu, dân ấp Xích mã từ lâu cũng không còn, Đức Phật Thế Tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Cũng vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Cho nên Tỳ-kheo nên tu tập yếm ly, ly dục, giải thoát.

“Các Tỳ-kheo, ngày nay núi này tên là Tỳ-phú-la. Chỗ có dân chúng cư ngụ chung quanh núi, gọi là nước Ma-kiệt-đề. Tuổi thọ của những người dân này là trăm tuổi, nếu khéo tự điều hòa thì có được trăm tuổi. Người Ma-kiệt-đề lên đỉnh núi này chỉ trong chốc lát là trở về. Nay Ta ở nơi này được thành Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,... *cho đến* Phật, Thế Tôn, diễn nói Chánh pháp, giáo hóa khiến được Niết-bàn tịch diệt, chánh đạo, thiện thế giác tri.

“Tỳ-kheo nên biết, tên núi Tỳ-phú-la này cũng sẽ tiêu ma, người Ma-kiệt-đề cũng sẽ diệt vong. Chẳng còn bao lâu, Như Lai sẽ vào Bát-niết-bàn.

“Như vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Cho nên Tỳ-kheo, nên tu tập yếm ly, ly dục, giải thoát.”

²⁹. Tú-ba-la-thủ 宿波羅首. Pāli: Supassa.

³⁰. Xích mã 赤馬. Pāli: Suppiya.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Thuở xưa núi Trường trúc,
 Tên ấp Đề-di-ca.
 Tiếp là núi Bằng-ca,
 Tụ lạc A-tỳ-ca.
 Núi Tú-ba-la-thủ,
 Tên tụ lạc Xích mã.
 Nay núi Tỳ-phú-la,
 Tên nước Ma-kiệt-đà.
 Tên núi đều hoại diệt,
 Dân chúng cũng không còn.
 Chư Phật Bát-niết-bàn,
 Đã có gì cũng mất.
 Tất cả hành vô thường,
 Chúng là pháp sanh diệt.
 Có sanh thì có diệt,
 Chỉ tịch diệt là vui.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
 *

KINH 957. THÂN MẠNG³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có người xuất gia họ Bà-sa³², đến chỗ Phật, chấp tay chào hỏi. Chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

³¹. Quốc Dịch, tụng viii. Như Lai tụng, Tương ưng 6. Bà-sa chủng, gồm chín kinh, 13418-13426 (Đại Chánh kinh 957-964). Ấn Thuận Hội Biên, tương ưng 46: Bà-sa xuất gia, chín kinh: kinh 13297-13305). Tương đương Pāli, một phần các kinh thuộc S. 33. Vacchagotta-samyutta. Đại Chánh kinh 957; Pāli, tham chiếu S. 44.9. Kutūhalasālā (luận nghị đường). Biệt dịch, N^o100(190).

³². Bà-sa chủng xuất gia 婆蹉種出家. Pāli: Vacchagotta-paribbājaka, tu sĩ thuộc chủng tộc Vaccha.

“Thưa Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, Ngài có thì giờ rảnh để trả lời cho không?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Tùy những gì ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có phải mệnh tức là thân không³³?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Mệnh tức là thân, điều này không xác định³⁴.”

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có phải là mệnh khác thân khác không?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Mệnh khác thân khác, điều này cũng không xác định.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, tôi hỏi ‘Mệnh tức thân?’ Thì được trả lời, ‘Không xác định.’ Hỏi: ‘Mệnh khác thân khác?’ Cũng được trả lời: ‘Không xác định.’

“Sa-môn Cù-đàm, có những điều kỳ lạ gì³⁵ mà khi đệ tử mệnh chung liền được xác định rằng: ‘Người này sanh chỗ kia. Người kia sanh chỗ nọ.’ Các đệ tử kia, khi ở nơi này mệnh chung xả thân, liền nương theo ý sanh thân³⁶, sanh vào nơi khác. Ngay lúc đó, chẳng phải là mệnh khác, thân khác sao?”

Phật bảo Bà-sa:

“Đây là nói về hữu dư, chứ không nói vô dư³⁷.”

Bà-sa bạch Phật:

³³. Pāli: tam jīvaṃ tam sarīraṃ, tức linh hồn và thân xác đồng nhất; một trong mười bốn vấn đề được xếp vào loại vô ký, không xác định.

³⁴. Hán: vô ký 無記. Pāli: avyākata.

³⁵. Bản Cao-ly: hà đẳng kỳ 何等奇. Bản Phật Quang sửa lại: hà đẳng pháp 何等法.

³⁶. Ý sanh thân 意生身, hay ý thành thân, Pāli: manomaya-kāyā, thân được tác thành bởi ý, không lệ thuộc vật chất.

³⁷. Hữu dư 有餘; Pāli: upādiśa, tàn dư của hữu y, chất liệu của tồn tại; tức tàn dư của chấp thủ hay phiền não, làm chỗ y cứ cho sự tồn tại. Niết-bàn với sự tồn tại của ngũ uẩn chưa tan rã gọi là hữu dư y Niết-bàn (saupādiśa-nibbāna). Niết-bàn với sự xả bỏ hoàn toàn ngũ uẩn gọi là vô dư (y) Niết-bàn (anupādiśa-nibbāna).

“Thưa Cù-đàm, thế nào là hữu dư, chứ không nói vô dư?”

Phật bảo Bà-sa:

“Thí như lửa, có hữu dư³⁸ thì có thể cháy, chứ không phải không có hữu dư.”

Bà-sa bạch Phật:

“Tôi thấy có lửa không có hữu dư mà cũng cháy.”

Phật bảo Bà-sa:

“Thế nào là thấy lửa không có hữu dư mà cũng cháy?”

Bà-sa bạch Phật:

“Thí như một đống lửa lớn bị gió lốc thổi qua, làm lửa bốc lên không trung. Đó há không phải là lửa vô dư³⁹ sao?”

Phật bảo Bà-sa:

“Lửa được gió thổi bốc lên tức là hữu dư, chứ chẳng phải vô dư.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, lửa bay trong không, sao gọi là hữu dư?”

Phật bảo Bà-sa:

“Lửa bay trong không nương gió mà trụ, nương gió mà cháy. Vì nương vào gió nên nói là hữu dư⁴⁰.”

Bà-sa bạch Phật:

“Chúng sanh mạng chung ở nơi này, nương ý sanh thân, vãng sanh nơi khác, tại sao nói là hữu dư?”

Phật bảo Bà-sa:

“Chúng sanh mạng chung ở nơi này, nương ý sanh thân, sanh nơi khác. Ngay lúc ấy, nhân vì ái mà thủ, nhân vì ái mà trụ, nên nói là hữu dư⁴¹.”

Bà-sa bạch Phật:

“Chúng sanh vì ái lạc nên hữu dư, vì nhiễm đắm nên hữu dư. Chỉ có Thế Tôn mới đạt vô dư này mà thành Đẳng Chánh Giác.

“Thưa Sa-môn Cù-đàm, thế gian nhiều duyên sự, xin phép được cáo từ!”

³⁸. Hữu dư, đây được hiểu là nhiên liệu.

³⁹. Vô dư, đây chỉ lửa không nhiên liệu.

⁴⁰. Hữu dư, upādiesa, đây được hiểu là sở y.

⁴¹. Ở đây hữu dư đồng nghĩa với chấp thủ.

Phật bảo Bà-sa:

“Ông tự biết đúng lúc.”

Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

**
*

KINH 958. MỤC-LIÊN⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ở nơi đây. Lúc ấy, có người xuất gia dòng họ Bà-sa, đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cùng Tôn giả gặp nhau thăm hỏi khích lệ nhau, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Tôi có việc muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ để trả lời cho không?”

Mục-kiền-liên đáp lời Bà-sa:

“Tùy những gì ông muốn hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.”

Lúc ấy, Bà-sa xuất gia hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:

“Nhân gì, duyên gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, có người đến hỏi: ‘Thế nào, Như Lai sau khi chết có còn, không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có?’ họ đều tùy theo đó mà đáp. Còn Sa-môn Cù-đàm, nếu có người đến hỏi: ‘Như Lai sau khi chết có còn, không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có?’ mà lại không xác định?”

Mục-kiền-liên bảo Bà-sa:

“Các Sa-môn, Bà-la-môn khác vì không biết như thật đối với sắc, sự tập khởi sắc, sự diệt tận sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, nên đối với việc Như Lai sau chết có còn, sanh ra chấp trước; hay sau khi chết Như Lai không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có, sanh khởi chấp trước. Không biết như thật đối với thọ, tưởng, hành, thức,... sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự

⁴². Pāli, S.44.7. Moggalāna (*Āyatana*). Biệt dịch, N^o100(191).

tai hại của thức, sự xuất ly thức. Vì không biết như thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn, sanh ra chấp trước; sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, sanh ra chấp trước. Như Lai, biết như thật đối với sắc, biết như thật đối với sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc. Vì biết như thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn, không chấp trước; hay sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có không sanh chấp trước. Và biết như thật đối với thọ, tưởng, hành, thức,... biết như thật đối với sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức, sự xuất ly thức. Vì biết như thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn, không đúng; hay sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, cũng không đúng. Vì Như Lai là sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số, nhưng tất cả đều tịch diệt.

“Này Bà-sa, vì nhân như vậy, duyên như vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nếu có người đến hỏi: ‘Như Lai sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không; sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có’, thì vì họ mà ký thuyết. Cũng vì nhân như vậy, duyên như vậy, đối Như Lai, nếu có người nào đến hỏi: ‘Như Lai sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có; sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có’, thì không vì họ mà ký thuyết.”

Sau khi Bà-sa xuất gia nghe những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 959. KỶ TAI⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có người xuất gia dòng Bà-sa đến chỗ Phật,

⁴³. Quốc Dịch chia làm hai kinh: “Kỳ tai” và “Tiên-na Ca-chiên-diên”. Ấn Thuận cũng chia làm hai. Pāli, S.44.11. Sabhiyo. Biệt dịch, N^o100(192, 193).

chấp tay thăm hỏi; sau khi thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, do nhân gì, duyên gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nếu có người đến hỏi... *“Nói đầy đủ như trên.”*”

Bấy giờ, Bà-sa xuất gia vui vẻ nói rằng:

“Lạ thay! Thưa Cù-đàm, giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa. Thưa Cù-đàm, hôm nay con có đến chỗ Đại Mục-kiền-liên, dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy mà hỏi Tôn giả; Tôn giả cũng dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy mà trả lời cho con, như những gì mà Cù-đàm nói hôm nay. Cho nên thưa Cù-đàm, thật là kỳ đặc, giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa.”

Bấy giờ⁴⁴, Bà-sa xuất gia có nhân duyên đến tụ lạc Na-lê⁴⁵. Sau khi lo liệu mọi việc đã xong, đến chỗ Tôn giả Tiên-đà Ca-chiên-diên⁴⁶, cùng nhau thăm hỏi. Sau khi thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, rồi hỏi Tiên-đà Ca-chiên-diên:

“Do nhân gì, duyên gì mà Sa-môn Cù-đàm, nếu có người đến hỏi: ‘Như Lai sau khi chết có còn, hay sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không có; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có’, thì không vì họ mà ký thuyết?”

Tiên-đà Ca-chiên-diên nói với Bà-sa xuất gia:

“Bây giờ tôi hỏi ông, cứ theo ý mà đáp cho tôi. Ý ông thế nào? Hoặc nhân ấy, hoặc duyên ấy, mà các hành được thi thiết⁴⁷ rằng: ‘Đây là sắc, đây là vô sắc, đây là tướng, đây là phi tướng, đây là phi tướng phi phi tướng’. Hoặc nhân kia, duyên kia, hành kia, hành diệt không còn, vĩnh viễn diệt rồi, Như Lai đối với họ có ký thuyết rằng: ‘Sau khi chết có, hay sau khi chết không có; sau khi chết vừa có, vừa không; sau

⁴⁴. Từ đây xuống, Ấn Thuận tách thành một kinh riêng.

⁴⁵. Na-lê tụ lạc 那梨聚落. Pāli: Nāṭike Giṅjakāvasatte.

⁴⁶. Tiên-đà Ca-chiên-diên 洗陀迦旃延. Pāli: Sabhiyo Kaccāno.

⁴⁷. Bản Cao-ly: hành thân thi 行身施. Bản Minh: chủng thi thiết chư hành 種施設諸行. Ấn Thuận Hội Biên, Phật Quang và Quốc Dịch đều sửa theo bản Minh. Tham chiếu Pāli: yo ca vaccha hetu yo ca paccayo paññāpanāya rūpīti vā arūpīti va... “Có nhân này, có duyên này, để tuyên bố (= thi thiết) rằng: đây là sắc, đây là vô sắc...”

khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có', không⁴⁸?"

Bà-sa xuất gia trả lời Tiên-đà Ca-chiên-diên:

"Hoặc nhân ấy, hoặc duyên ấy, mà các hành được thi thiết rằng: 'Đây là sắc, đây là vô sắc, đây là tưởng, đây là phi tưởng, đây là phi tưởng phi phi tưởng'. Hoặc nhân kia, duyên kia, hành kia, hành diệt không còn; thì làm sao Cù-đàm đối với họ mà ký thuyết: 'Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có'?"

Tiên-đà Ca-chiên-diên bảo Bà-sa xuất gia:

"Cho nên vì nhân này, vì duyên này mà có người hỏi Như Lai: 'Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có', Như Lai không vì họ mà ký thuyết."

Bà-sa xuất gia hỏi Tiên-đà Ca-chiên-diên:

"Ngài làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm đã bao lâu rồi như vậy?"

Tiên-đà Ca-chiên-diên đáp:

"Tôi xuất gia tu phạm hạnh trong Chánh pháp luật, mới hơn ba năm."

Bà-sa xuất gia nói:

"Tiên-đà Ca-chiên-diên, nhanh thay, ngài được điều thiện lợi! Mới xuất gia chỉ một thời gian ngắn mà đã đạt được luật nghi về thân, miệng như vậy và lại được trí tuệ biện tài như vậy."

Sau khi Bà-sa xuất gia nghe những gì Tiên-đà Ca-chiên-diên nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 960. KỶ ĐẶC⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành

⁴⁸. Tham chiếu Pāli: so ca hetu, so ca paccayo sabbena sabbam sabbathā sabbam aparisesam nirujjheyya, kena nam paññāpanāya rūpi ti vā arūpi ti vā... "Nếu nhân ấy, duyên ấy hoàn toàn diệt tận, vĩnh viễn diệt tận, do cái gì mà nói (=thi thiết): đây là sắc, đây là vô sắc...?"

⁴⁹. Pāli, S.44.8 Vaccho (Bhandham). Biệt dịch N^o100(194).

Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, chấp tay thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh giờ để giải đáp cho không?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Tùy theo những gì ông muốn hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, vì nhân gì, duyên gì, mà có người đến hỏi: ‘Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có’, Ngài không vì họ ký thuyết?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“...” Như những gì Tiên-đà Ca-chiên-diên đã nói rộng ở trên,... cho đến “sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Lạ thay! Thưa Cù-đàm, giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa. Thưa Cù-đàm, con có chút duyên sự đến tụ lạc Na-lợi-già để lo liệu công việc đã xong, tạm ghé qua chỗ Sa-môn Ca-chiên-diên, đem nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy hỏi Sa-môn Ca-chiên-diên. Tôn giả cũng dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy để trả lời những gì con hỏi, như những gì Sa-môn Cù-đàm nói hôm nay. Cho nên biết, thật là kỳ đặc! Giữa Thầy và đệ tử nghĩa cú vị cả hai đều đồng.”

Sau khi Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 961. HỮU NGÃ⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, chấp tay thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

⁵⁰. Pāli, S.44.10. Ānando. Biệt dịch, N^o100(195).

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có ngã không?”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không đáp. Ba lần hỏi như vậy, Thế Tôn cũng ba lần không đáp.

Lúc này, Bà-sa xuất gia thâm nghĩ: “Ta đã ba lần hỏi Sa-môn Cù-đàm, mà không thấy trả lời, thôi ta nên trở về.”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan, đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Bà-sa xuất gia kia ba lần hỏi, vì sao Thế Tôn không đáp? Há không làm tăng ác tà kiến cho Bà-sa xuất gia kia, rằng Sa-môn không khả năng để giải đáp những gì được hỏi?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu Ta đáp là có ngã, sẽ làm tăng tà kiến có từ trước của kia. Nếu đáp rằng không ngã, thì sẽ làm cho nghi hoặc trước kia, há không tăng thêm nghi hoặc sao? Nói rằng trước có ngã, từ nay sẽ đoạn diệt. Nếu trước vốn có ngã, đó là thường kiến; mà nay đoạn diệt, đó là đoạn kiến. Như Lai là hai bên, thuyết pháp ở giữa. Nghĩa là: ‘Cái này có, nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia sanh. Đó là, duyên vô minh nên có hành... cho đến sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt.’”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 962. KIẾN⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng nhau thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, thế nào, Cù-đàm có thấy như vậy, có nói như vậy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng.’?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Ta không thấy như vậy, không nói như vậy: ‘Thế gian thường, đó là chân thật, ngoài ra là hư vọng.’?”

⁵¹. Pāli, M. 72. Aggivacchagotta-suttanta. Biệt dịch, N^o100(196).

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có thấy như vậy, có nói như vậy: ‘Thế gian vô thường, vừa thường, vừa vô thường; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; có biên, không biên; vừa biên, vừa vô biên; chẳng phải biên, chẳng phải vô biên; mạng tức là thân; mạng khác, thân khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Ta không thấy như vậy, không nói như vậy... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không.”

Lúc ấy, Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, những kiến giải này có những sai lầm nào, mà đối với tất cả những kiến giải này Ngài không ký thuyết?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Nếu thấy như vậy: ‘Thế gian thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng,’ thì đó là kiến giải điên đảo, là kiến giải do quán sát, là kiến giải dao động, là kiến giải cấu nhiễm, là kiến giải kết sử, là khổ, là ngại, là não, là nhiệt, bị kiến kết trói buộc; phàm phu ngu si không học ở đời vị lai sẽ bị sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não sanh.

“Này Bà-sa xuất gia, nếu thấy như vậy: ‘Thế gian vô thường; vừa thường, vừa vô thường; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; có biên, không có biên; vừa biên, vừa vô biên; chẳng phải có biên, chẳng phải không biên; là mạng là thân; mạng khác thân khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’, đó là đảo kiến,... *cho đến* ưu, bi, khổ, não sanh.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, sở kiến của Ngài thế nào?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia:

“Sở kiến của Như Lai đã hoàn toàn dứt hết. Này Bà-sa xuất gia, nhưng Như Lai thấy là thấy rằng ‘Đây là Khổ Thánh đế; đây là Khổ tập Thánh đế, sự diệt tận của Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo Thánh đế.’ Sau khi biết như vậy, thấy như vậy rồi, đối với tất cả kiến, tất cả thọ, tất cả sanh, tất cả kiến chấp về ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử, đều khiến cho đoạn diệt, tịch tịnh, mát mẻ, chân thật. Đối với Tỳ-kheo

giải thoát tất cả như vậy, sanh không đúng, không sanh cũng không đúng.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, vì sao nói, sanh không đúng?”

Phật bảo Bà-sa:

“Bây giờ, Ta hỏi ông, cứ tùy ý mà trả lời cho Ta. [~]Này Bà-sa, giống như có người đốt lửa trước ông, ông có thấy lửa cháy không? Ngay đó dập tắt lửa trước ông, ông có thấy lửa tắt không?”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, thấy như vậy.”

Phật bảo Bà-sa:

“Nếu có người hỏi ông: ‘Lửa vừa cháy đó, nay ở chỗ nào? Đi về phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc?’ Nếu hỏi như vậy, ông sẽ nói thế nào?”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, nếu có người nào đến hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy: ‘Nếu có ai đốt lửa trước tôi, nhờ nhân duyên củi, cỏ nên lửa cháy. Nếu không thêm củi, lửa tắt, vĩnh viễn không sanh khởi trở lại được. Nói đi về phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc thì không đúng.’”

Phật bảo Bà-sa:

“Ta cũng sẽ nói như vậy: ‘Sắc đã đoạn, đã biết; thọ, tưởng, hành, thức đã đoạn, đã biết. Đoạn tận gốc rễ của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la không thể sanh lại được; đối với đời vị lai không thể sanh khởi trở lại nữa. Nếu bảo đến phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc thì điều đó không đúng. Vì điều đó sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số, vĩnh viễn tịch diệt.’”

Bà-sa bạch Phật:

“Con sẽ nói thí dụ.”

Phật bảo Bà-sa:

“Ông biết đúng lúc.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, thí như gần thành thị hay làng xóm, có một vùng đất màu mỡ, mọc lên một khu rừng kiên cố. Có một cây to lớn bên chắc. Nó sanh trưởng đã trải qua hàng ngàn năm. Lâu ngày, cành lá rơi

rụng; vỏ cây khô mục; chỉ còn gốc cây đứng trơ trọi. Cũng vậy, thưa Cù-đàm, Pháp luật của Như Lai lìa bỏ những thứ cành nhánh cọng lá, chỉ còn trơ gốc không, đứng một mình kiên cố.”

Bấy giờ, Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 963. VÔ TRI⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi, khích kệ xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, người kia do không biết cái gì mà thấy như vậy, nói như vậy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng. Thế gian vô thường, thế gian vừa thường vừa vô thường; thế gian chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; thế gian hữu biên hay thế gian vô biên; thế gian vừa hữu biên vừa vô biên; thế gian chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên; mạng tức là thân; mạng khác, thân khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không?’”

Phật bảo Bà-sa:

“Vì đối với sắc không biết, nên thấy như vậy, nói như vậy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’. Và vì đối với thọ, tưởng, hành, thức không biết nên thấy như vậy, nói như vậy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, vì biết pháp gì mà không thấy như vậy, không nói như vậy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... *cho đến* cho đến sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không?’”

Phật bảo Bà-sa:

⁵² Pāli, S.33.1-5 Aññānā. Biệt dịch, N^o100(197).

“Vì biết sắc nên không thấy như vậy, không nói như vậy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... cho đến sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’. Và vì biết thọ, tưởng, hành, thức nên không thấy như vậy, không nói như vậy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng... cho đến sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’.”

Cũng như không biết và biết, nên không thấy và thấy như vậy. Cũng vậy, không nhận thức, có nhận thức; không đoạn, đoạn; không quán, quán; không sát, sát; không giác, giác⁵³.

Phật nói kinh này xong, Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 964. XUẤT GIA⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi, khích kệ xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh thì giờ giải đáp cho không?”

Bấy giờ Thế Tôn ngồi im lặng. Bà-sa xuất gia hỏi hai, ba lần, Phật cũng hai, ba lần ngồi im lặng. Lúc này, Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Con cùng Cù-đàm cả hai tùy thuận nhau⁵⁵. Hôm nay có điều muốn hỏi vì sao Ngài lại im lặng?”

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: “Bà-sa xuất gia này lúc nào cũng chất trực, không dối trá. Những gì muốn hỏi hôm nay đều từ không biết, chứ không phải cố ý nhiều loạn. Ta nay, nên dùng A-tỳ-đàm, Luật để nạp thọ ông ta.⁵⁶” Nghĩ xong, liền bảo Bà-sa xuất gia:

⁵³. Nghĩa là, như kinh trên, thay các từ “biết / không biết” bằng các từ tương ứng.

⁵⁴. Pāli, M.73. MahāVacchagotta-suttanta. Biệt dịch, N^o100(198).

⁵⁵. Cọng tương tùy thuận 共相隨順. Pāli: dīgharattaṃ khotā gotamena sahakathī, từ lâu tôi thường đàm đạo với Tôn giả Gotama.

⁵⁶. Pāli: samkhittenapi khote ahaṃ vaccha kusalā kusalam deseyyam, này Vaccha, Ta có thể nói cho ông một cách tóm tắt về thiện và bất thiện.

“Tùy những gì ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà giải đáp.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có pháp thiện, pháp bất thiện⁵⁷ không?”

Phật đáp:

“Có.”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin Ngài vì con mà nói về pháp thiện, pháp bất thiện, khiến cho con được hiểu.”

Phật bảo Bà-sa:

“Hôm nay, Ta sẽ vì ông mà nói lược về pháp thiện và pháp bất thiện. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

“Này Bà-sa, tham dục là pháp bất thiện. Điều phục được tham dục là pháp thiện. Sân nhuế, ngu si là pháp bất thiện. Điều phục được sân nhuế ngu si là pháp thiện. Sát sanh là pháp bất thiện. Lìa sát sanh, là pháp thiện. Trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, thù dật, tham nhuế, tà kiến là pháp bất thiện. Không trộm cắp... *cho đến* chánh kiến, đó là pháp thiện. Này Bà-sa, hôm nay Ta đã nói ba thứ pháp thiện và ba thứ pháp bất thiện. Cũng vậy, khi Thánh đệ tử biết như thật về ba thứ pháp thiện và ba thứ pháp bất thiện; biết như thật về mười loại pháp thiện và mười loại pháp bất thiện, thì đối với tham dục được diệt tận không còn sót. Khi sân nhuế, ngu si, được diệt tận không còn, thì đối với tất cả pháp hữu lậu đều diệt tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bà-sa bạch Phật:

“Có Tỳ-kheo nào, đối với Pháp luật này sạch được hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát,... *cho đến* không còn tái sanh đời sau nữa không?”

Phật bảo Bà-sa:

“Không những chỉ có một, hai, ba, mà *cho đến* năm trăm; có rất nhiều Tỳ-kheo, đối với Pháp luật này đã sạch hết các hữu lậu,... *cho đến* không tái sanh đời sau nữa.”

⁵⁷. Bản Cao-ly không có “pháp bất thiện”. Ấn Thuận theo Tống-Nguyên-Minh thêm vào.

Bà-sa bạch Phật:

“Hãy gác Tỳ-kheo lại! Có một Tỳ-kheo-ni nào đối với Pháp luật này mà hết sạch các hữu lậu, ‘... cho đến không tái sinh đời sau nữa,’ không?”

Phật bảo Bà-sa:

“Không những một, hai, ba Tỳ-kheo-ni mà cho đến năm trăm, có rất nhiều Tỳ-kheo-ni, đối với Pháp luật này đã hết các hữu, ‘... cho đến không tái sinh đời sau nữa.’”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin gác Tỳ-kheo-ni lại! Có một Ưu-bà-tắc nào tu các phạm hạnh, đối với Pháp luật này đã thoát khỏi hồ nghi không?”

Phật bảo Bà-sa:

“Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm Ưu-bà-tắc, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-tắc, tu các phạm hạnh, đối với Pháp luật này, đã đoạn năm hạ phần kết, được thành A-na-hàm không tái sinh lại cõi này nữa.”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin gác Ưu-bà-tắc lại! Có một Ưu-bà-di nào, đối với Pháp luật này tu các phạm hạnh; đối với Pháp luật này đã thoát khỏi hồ nghi không?”

Phật bảo Bà-sa:

“Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm Ưu-bà-di, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-di, đối với Pháp luật này, đã đoạn năm hạ phần kết, đối với họ hóa sanh đấng A-na-hàm không tái sinh lại cõi này nữa.”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin hãy gác Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh lại! Có Ưu-bà-tắc nào hưởng-thọ ngũ dục, mà đối với Pháp luật này thoát khỏi hồ nghi không?”

Phật bảo Bà-sa:

“Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-tắc, có gia đình vợ con, trang sức hương hoa, nuôi dưỡng nô tỳ, mà đối với Pháp luật này đã đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si đã mỏng, đấng Tư-đà-hàm, chỉ còn một lần qua lại, cứu cánh thoát khổ.”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin gác Ưu-bà-tắc lại! Có một Ưu-bà-di nào hưởng thụ ngũ dục mà đối với Pháp luật này thoát khỏi hồ nghi không?”

Phật bảo Bà-sa:

“Không những một, hai, ba mà cho đến năm trăm, cho đến rất nhiều Ưu-bà-di ở tại gia, nuôi nấng con cái, hưởng thụ ngũ dục, trang điểm hoa thơm, mà đối với Pháp luật này đã đoạn tận ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng thẳng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần sanh trong Trời, Người, cứu cánh thoát khổ.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, như Sa-môn Cù-đàm đã thành Đẳng Chánh Giác; nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hưởng thụ ngũ dục, mà không được công đức như vậy, thì không đầy đủ⁵⁸. Nhưng vì Sa-môn Cù-đàm thành Đẳng Chánh Giác và Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh, cùng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hưởng thụ ngũ dục, do thành tựu những công đức như vậy, nên đó là sự đầy đủ. Thưa Cù-đàm, bây giờ con sẽ nói thí dụ.”

Phật bảo Bà-sa:

“Ông cứ tùy ý mà nói.”

Bà-sa bạch Phật:

“Như trời mưa to, nước chảy xuống thành dòng. Pháp luật của Cù-đàm lại cũng như vậy. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc nam, hoặc nữ, tất cả đều theo dòng hướng đến Niết-bàn, chuyển đến Niết-bàn. Kỳ lạ thay! Phật, Pháp, Tăng, bình đẳng pháp và luật⁵⁹. Còn những xuất gia ngoại đạo khác đến chỗ Cù-đàm, ở trong Chánh pháp luật muốn cầu xuất gia thọ cụ túc thì phải mất bao nhiêu thời gian mới cho phép xuất gia?”

Phật bảo Bà-sa:

“Nếu những xuất gia ngoại đạo khác muốn cầu xuất gia thọ cụ

⁵⁸. Nghĩa là, pháp của Phật chưa hoàn hảo.

⁵⁹. Hán dịch không rõ nghĩa. Trong bản Pāli, đoạn này là lời Vacchagotta xin quy y Phật, Pháp, Tăng.

túc ở trong Chánh pháp luật, phải qua bốn tháng ở bên Hòa thượng thọ y chỉ mà an trụ⁶⁰. Nhưng điều này chỉ vì người mà tạm bày ra giới hạn mà thôi⁶¹.”

Bà-sa bạch Phật:

“Nếu những xuất gia ngoại đạo muốn đến cầu xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh pháp luật, được phép ở bên Hòa thượng nhận lãnh y chỉ và nếu đủ bốn tháng thì cho phép xuất gia. Vậy, nay con có thể ở bên Hòa thượng bốn tháng thọ y chỉ. Nếu ở trong Chánh pháp luật mà được xuất gia thọ cụ túc, thì con sẽ xuất gia thọ cụ túc tu trì phạm hạnh ở trong pháp Cù-đàm.”

Phật bảo Bà-sa:

“Trước đây Ta không nói là tạm vì người mà bày ra giới hạn sao?”

Bà-sa bạch Phật:

“Đúng vậy, thưa Cù-đàm!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông nên độ Bà-sa này xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh pháp luật.”

Xuất gia dòng họ Bà-sa liền được phép xuất gia thọ cụ túc thành Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp luật,... *cho đến* trong vòng nửa tháng những gì cần học nên biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên hiểu rõ, nên chứng, thì đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng Chánh pháp của Như Lai.

Tôn giả Bà-sa tự nghĩ: “Nay ta đã học những gì nên biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên hiểu rõ, nên chứng. Tất cả những điều đó ta đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng. Bây giờ, nên đến gặp Thế Tôn.”

Ngay lúc ấy, Bà-sa đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, những gì cần học nên biết, nên phân biệt, nên

⁶⁰. Nghĩa là, y chỉ Thầy mà sống giữa các Tỳ-kheo tuy chưa thọ cụ túc. Bản Cao-ly: y 依 (chỉ). Bản Tống-Nguyên-Minh: y 衣 (áo).

⁶¹. Bản Pāli: do sự sai biệt về tâm tính của mỗi người (api ca m'ettha puggalavemattatā).

thấy, nên đắc, nên hiểu rõ, nên chứng, con đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng Chánh pháp của Thế Tôn. Xin Thế Tôn vì con mà thuyết pháp, sau khi con nghe rồi, sẽ ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, tư duy về lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo,... *cho đến* tự biết không còn tái sinh đời sau nữa.”

Phật bảo Bà-sa:

“Có hai pháp tu tập, tu tập nhiều, đó là chỉ và quán⁶². Tu tập, tu tập nhiều hai pháp này, thì sẽ biết được quả báo của các cõi, hiểu rõ các cõi; biết các thứ cõi, hiểu rõ các thứ cõi. Tỳ-kheo như vậy là muốn cầu ly dục, pháp ác bất thiện,... *cho đến* thành tựu, trụ đệ Tứ thiên; an trụ từ, bi, hỷ xả, không nhập xứ, thức nhập xứ, vô sở hữu nhập xứ, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ; khiến ba kết của ta diệt tận, đắc Tư-đà-hoàn. Với ba kết đã tận diệt, tham, nhuế, si mỏng, đắc Tư-đà-hàm. Với năm hạ phần kết đã diệt tận, đắc A-na-hàm. Với các thứ cảnh giới thần thông, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí, tất cả đều đạt được. Cho nên Tỳ-kheo, nên tu hai pháp, tu tập, tu tập nhiều. Nhờ tu tập hai pháp, nên biết các thứ cõi,... *cho đến* lậu tận.”

Sau khi Tôn giả Bà-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

Bấy giờ, Tôn giả Bà-sa ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, ‘... *cho đến* tự biết không còn tái sinh đời sau nữa.’

Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo phương tiện trang nghiêm muốn đến cung kính cúng dường Thế Tôn. Bấy giờ, Tôn giả Bà-sa hỏi các Tỳ-kheo:

“Có phải các ông phương tiện trang nghiêm muốn đến cung kính cúng dường Thế Tôn không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Vâng.”

Lúc này Bà-sa nói các Tỳ-kheo:

“Tôn giả cho tôi gửi lời kính lễ thăm hỏi Thế Tôn: ‘Ngài sống

⁶². Pāli: samathañca vipassanañca.

nhẹ nhàng, ít bệnh, ít nã, an lạc không?’ Và thưa: ‘Tỳ-kheo Bà-sa bạch Thế Tôn rằng: Con đã cúng dường, phụng sự Thế Tôn đầy đủ, khiến Ngài hài lòng, chứ không phải không hài lòng. Những gì mà đệ tử của Đại Sư cần làm, con đã làm xong. Đã cúng dường Đại Sư, khiến Ngài hài lòng, chứ không phải không hài lòng.’

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bà-sa đê đầu kính lễ dưới chân Thế Tôn,... *cho đến* hài lòng chứ không phải không hài lòng.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chư Thiên đã nói trước cho Ta rồi, nay các ông lại nói. Như Lai đã thành tựu tri kiến đệ nhất, cũng như Tỳ-kheo Bà-sa có đức lực như vậy.”

Bấy giờ Thế Tôn vì Tỳ-kheo Bà-sa kia mà nói thọ ký bậc nhất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 965. UẤT-ĐÊ-CA⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Uất-đê-ca⁶⁴ đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào hỏi, an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm! Thế nào, Cù-đàm, thế gian hữu biên chăng?”

Phật bảo Uất-đê-ca:

“Điều này không xác định.”

Uất-đê-ca bạch Phật:

“Thế nào Cù-đàm, thế gian vô biên chăng? Vừa hữu biên vừa vô biên chăng? Chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng?”

⁶³. Ấn Thuận Hội Biên, “47. Ngoại đạo Xuất gia tương ưng”. Gồm mười lăm kinh: 13306-13320. Quốc Dịch, mười lăm kinh: 13427-13441. Đại Chánh, kinh 965-979. Pāli, A.10.95: Uttiya. Biệt dịch, N^o100(199).

⁶⁴. Uất-đê-ca 鬱低迦: Pāli: Uttiya.

Phật bảo Uất-đê-ca:

“Điều này không xác định.”

Uất-đê-ca bạch Phật:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, hỏi: ‘Thế gian hữu biên chăng?’ Được trả lời, ‘Không xác định’. ‘Thế gian vô biên chăng? Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên chăng? Chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng?’ Được trả lời: ‘Không xác định’. Thưa Cù-đàm, vậy những pháp nào có thể được xác định.”

Phật bảo Uất-đê-ca:

“Là bậc Trí giả, Trí giả, Ta vì các đệ tử mà xác định về đạo, để cho chân chánh diệt tận khổ, rốt ráo biên tế khổ.”

Uất-đê-ca bạch Phật:

“Như thế nào Cù-đàm vì các đệ tử mà xác định về đạo, để cho chân chánh diệt tận khổ, rốt ráo biên tế khổ. Tất cả thế gian, hay chỉ một phần ít, từ con đường này mà xuất?”⁶⁵

Bấy giờ Thế Tôn im lặng không đáp. Qua hai, ba lần hỏi, Phật cũng hai, ba lần im lặng không đáp.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Tôn giả bảo xuất gia ngoại đạo Uất-đê-ca:

“Ban đầu ông đã hỏi nghĩa này. Nay lại hỏi theo cách nói khác, cho nên Thế Tôn không ký thuyết. Nay Uất-đê-ca, nay tôi sẽ vì ông mà nói thí dụ. Phàm người trí mà nghe thí dụ thì sẽ hiểu. Ví như quốc vương có thành lũy bao quanh bốn bề kiên cố; đường giao thông bằng phẳng và chỉ có một cửa. Người đứng giữ cửa lại là một người thông minh, sáng suốt, thường khéo đoán xét. Bên ngoài có người đến, nếu người đáng vào thì cho phép vào; người không đáng vào thì không cho phép. Khắp chu vi vòng thành, muốn tìm cửa thứ hai cũng không thể được. Ngay đến lỗ ra vào cửa chó mèo cũng không, huống chi là cửa thứ hai! Người giữ cửa thành kia cũng không biết rõ người vào kẻ ra là ai, nhưng người này biết tất cả người ra hay vào chỉ từ cửa này, chứ không phải nơi nào khác. Cũng vậy, Thế Tôn tuy không dụng tâm để biết rõ tất cả chúng sanh thế gian, hay chỉ một phần ít, từ con đường

⁶⁵. Pāli: sabbo vā tena loko nīyati upaḍḍho vā tibhāgo vā ti, do bởi đó tất cả thế gian, hay một nửa, hay một phần ba, được hướng dẫn (xuất ly)?

này xuất. Nhưng biết chúng sanh hết khổ, cứu cánh biên tế khổ, tất cả đều từ đạo này mà xuất.”

Sau khi xuất gia ngoại đạo Uất-đê-ca nghe những gì Phật nói, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

**
*

KINH 966. PHÚ-LÂN-NI⁶⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả Phú-lân-ni⁶⁷, ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. Lúc ấy có các xuất gia ngoại đạo, đến chỗ Tôn giả Phú-lân-ni, cùng nhau thăm hỏi khách lệ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả Phú-lân-ni:

“Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm chủ trương đoạn diệt, phá hoại sự hữu. Có truyền dạy như vậy chăng? Nay xin hỏi Tôn giả Phú-lân-ni, có đúng như vậy không?”

Phú-lân-ni bảo các xuất gia ngoại đạo:

“Tôi không biết điều đó. Không có trường hợp Thế Tôn dạy chúng sanh đoạn diệt, phá hoại hữu, khiến trở thành vô sở hữu. Theo tôi hiểu như vậy: ‘Thế Tôn dạy có những chúng sanh chấp có ngã, ngã mạn, tà mạn. Thế Tôn đã dạy, khiến họ đoạn diệt những thứ đó’.”

Lúc ấy, các xuất gia ngoại đạo nghe những gì Tôn giả Phú-lân-ni nói, không hài lòng. Bèn chỉ trích rồi ra về. Sau khi các ngoại đạo đi rồi, Tôn giả Phú-lân-ni đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, đem những điều các xuất gia ngoại đạo đã nói, bạch đầy đủ lên Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, con đã đáp lại những điều ngoại đạo nói như vậy, là không mắc vào tội hủy báng Thế Tôn chăng? Là nói đúng pháp, nói như những gì Phật dạy, nói như pháp, nói tùy thuận pháp, không bị các nhà luận nghĩa hiềm trách đó chăng?”

⁶⁶. Tham chiếu, Pāli, A.10.83. Puṇṇiya (không hoàn toàn tương đương). Skt. Pūrṇiya (Pichel). Biệt dịch N^o100(200).

⁶⁷. Phú-lân-ni 富鄰尼. Pāli: Puṇṇiya.

Phật bảo Phú-lân-ni:

“Như những gì ông đã nói, không hủy báng Như Lai, không mất thứ tự, như Ta ký thuyết; nói pháp như pháp, nói tùy thuận pháp, không bị các nhà luận nghị hiềm trách. Vì sao? Nay Phú-lân-ni, vì trước tiên, các chúng sanh đã có ngã mạn, tà mạn; tà mạn bức bách, tà mạn tập khởi, không hiện quán: tà mạn⁶⁸, rối loạn như ruột chó, như vòng móc sắt, như cỏ rối, qua lại rong ruổi đời này sang đời khác, đời khác sang đời này, rong ruổi tới lui không thể lìa xa.

“Nay Phú-lân-ni, tất cả chúng sanh đối với tà mạn, nếu ai vĩnh viễn diệt tận không còn sót, thì tất cả những chúng sanh đó lúc nào cũng an ổn, khoái lạc.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lân-ni nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 967. CÂU-CA-NA⁶⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả A-nan-đà sáng sớm đến bờ sông Tháp-bổ⁷⁰, cởi y để bên bờ, xuống nước rửa tay chân, rồi trở lên bờ mặc một y, lau chùi thân thể. Lúc ấy cũng có xuất gia ngoại đạo tên Câu-ca-na⁷¹ đến bên sông. Tôn giả A-nan-đà nghe tiếng đi, liền ho đánh tiếng, Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nghe có tiếng người, nên hỏi:

“Ai đấy!”

Tôn giả A-nan-đà đáp:

“Sa-môn.”

Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nói:

“Sa-môn nào?”

Tôn giả A-nan-đà đáp:

“Sa-môn họ Thích.”

⁶⁸. Nguyên Hán: tà mạn bất vô gián đẳng 邪慢不無間等. Xem các cht.trước.

⁶⁹. Pāli, A.10.96. Kokanuda. Biệt dịch, N^o100(201).

⁷⁰. Tháp-bổ hà 榻補河. Pāli: Tapodā.

⁷¹. Câu-ca-na 俱迦那. Pāli: Kokanuda.

Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nói:

“Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh giờ để giải đáp cho không?”

Tôn giả A-nan-đà đáp:

“Tùy ý cứ hỏi, nếu biết thì tôi sẽ đáp.”

Câu-ca-na hỏi:

“Thế nào, A-nan-đà, Như Lai sau khi chết có còn chăng?”

A-nan-đà đáp:

“Thế Tôn đã nói; điều này không xác định.”

Lại hỏi:

“Như Lai sau khi chết không còn chăng? Sau khi chết vừa có vừa không chăng? Chẳng phải có, chẳng phải không chăng?”

A-nan-đà đáp:

“Thế Tôn đã nói, điều này không xác định.”

Ngoại đạo Câu-ca-na nói:

“Thế nào, thưa Tôn giả A-nan-đà? Khi hỏi: ‘Như Lai sau khi chết còn’ thì đáp: ‘Không xác định’. Khi hỏi: ‘Sau khi chết không còn, sau khi chết vừa còn vừa không còn, sau khi chết chẳng phải còn, chẳng phải không còn’, thì đáp: ‘Không xác định’. Thế nào, A-nan-đà! Có phải vì không biết không thấy chăng?”

A-nan-đà đáp:

“Chẳng phải không biết, chẳng phải không thấy, mà là biết tất cả, thấy tất cả.”

Lại hỏi Tôn giả A-nan-đà:

“Biết gì? Thấy gì?”

A-nan-đà đáp:

“Thấy chỗ có thể thấy, thấy chỗ sanh khởi, thấy chỗ đoạn tận triền phược, đó là biết, đó là thấy. Ta biết như vậy, thấy như vậy, sao nói là không biết, không thấy?”

Câu-ca-na ngoại đạo lại hỏi:

“Tôn giả tên gì?”

Tôn giả A-nan-đà đáp:

“Tôi tên là A-nan-đà.”

Câu ca-na ngoại đạo nói:

“Lạ thay! Đệ tử của Đại Sư mà ta được cùng luận nghị. Nếu ta

biết Tôn giả này là Tôn giả A-nan-đà thì không dám mở lời hỏi.”
Nói những lời này xong liền bỏ đi.

**
*

KINH 968. CẤP CÔ ĐỘC⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có gia chủ Cấp Cô Độc, ngày nào cũng đến viếng thăm Thế Tôn đánh lễ và cúng dường. Gia chủ tự nghĩ: ‘Ta đến quá sớm. Thế Tôn và các Tỳ-kheo còn đang tọa thiền, tư duy. Thôi ta nên đi qua trú xứ của các ngoại đạo.’ Gia chủ đi vào tinh xá ngoại đạo, cùng họ chào đón, thăm hỏi khích lệ, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy ngoại đạo kia hỏi:

“Gia chủ, ông thấy Sa-môn Cù-đàm thấy thế nào, thấy những gì?”

Gia chủ đáp:

“Tôi cũng không biết Thế Tôn thấy thế nào và Thế Tôn thấy những gì?”

Các ngoại đạo nói:

“Ông hãy nói cái thấy của chúng Tăng. Chúng Tăng thấy như thế nào, chúng Tăng thấy những gì⁷³?”

Gia chủ đáp:

“Tôi cũng chẳng biết thế nào là cái thấy của chúng Tăng, chúng Tăng thấy những gì?”

Ngoại đạo lại hỏi gia chủ:

“Nay hãy nói cái thấy của chính ông? Cái thấy của chính ông là gì?”

Gia chủ đáp:

“Các ông mỗi người hãy tự nói chỗ thấy của mình, rồi tôi sẽ nói chỗ thấy của tôi cũng không khó.”

Khi đó có một ngoại đạo nói như vậy:

⁷². Pāli, A.10.93. Dīṭṭhi. Skt. Drṣṭi (Pichel). Biệt dịch, N^o100(202).

⁷³. Pāli: Kimdīṭṭhikā bhikkhū ti, “Các Tỳ-kheo có quan điểm gì?”

“Gia chủ, tôi thấy tất cả thế gian là thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Gia chủ, tôi thấy tất cả thế gian là vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Gia chủ, thế gian vừa thường vừa vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian phi thường phi vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian hữu biên, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian vô biên, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên.”

Lại có người nói:

“Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên.”

Lại có người nói:

“Mạng tức là thân.”

Lại có người nói:

“Mạng khác thân khác.”

Lại có người nói:

“Như Lai sau khi chết là còn.”

Lại có người nói:

“Như Lai sau khi chết là không còn.”

Lại có người nói:

“Như Lai sau khi chết vừa có vừa không.”

Lại có người nói:

“Như Lai sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Các ngoại đạo bảo gia chủ:

“Chúng tôi mỗi người đều trình bày sở kiến của mình, vậy ông nên nói sở kiến của ông.”

Gia chủ đáp:

“Sở kiến của tôi là, chân thật hữu vi, tư lương duyên khởi⁷⁴. Nếu chân thật là pháp hữu vi do tư lương, duyên khởi thì chúng là vô thường; mà vô thường là khổ. Biết như vậy rồi, đối với tất cả sở kiến đều vô sở đắc. Như sở kiến của các ông cho thế gian là thường, đó là chân thật, ngoài ra là hư vọng. Sở kiến này là chân thật hữu vi do tư lương duyên khởi. Nếu là chân thật hữu vi do tư lương duyên khởi thì vô thường, mà vô thường là khổ. Cho nên các ông thân cận với cái khổ, chỉ chịu khổ, sống mãi trong khổ, chìm sâu vào trong khổ.

“Cũng vậy, các ông cho rằng: ‘Thế gian là vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.’ Chúng có lỗi như vậy. Hay: ‘Thế gian thường vô thường, phi thường, phi vô thường, thế gian hữu biên, thế gian vô biên, thế gian hữu biên vô biên, thế gian phi hữu biên phi vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai sau khi chết có, Như Lai sau khi chết không, Như Lai sau khi chết vừa có vừa không, Như Lai sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.’ Đều nói như trên.”

Có một ngoại đạo nói với gia chủ Cấp Cô Độc:

“Như những gì ông đã nói: ‘Nếu có sở kiến gì, thì đó là chân thật hữu vi do tư lương duyên khởi, đó là pháp vô thường.’ Nếu vô thường là khổ, thì sở kiến của gia chủ cũng thân cận khổ, chịu khổ, sống khổ, vào sâu trong khổ.”

Gia chủ đáp:

“Trước kia tôi chẳng đã nói: ‘Sở kiến thật sự là pháp hữu vi, do tư lương duyên khởi, thấy đều vô thường, mà vô thường là khổ. Khi đã biết khổ rồi, ta đối với sở kiến ấy vô sở đắc’ đó sao?”

Các ngoại đạo nói:

“Đúng như thế! Thưa gia chủ!”

Bấy giờ gia chủ Cấp Cô Độc ở nơi tinh xá ngoại đạo khuất phục

⁷⁴. Hán: chân thật hữu vi tư lương duyên khởi 真實有爲思量緣起. Tham chiếu Pāli: yaṃ kiñci bhūtaṃ saṅkhatam cetayitam paticcasamuppanam, “Phàm cái gì là thật vật, được tạo thành bởi tâm tư, sanh khởi do duyên”. Trong bản Hán: bhūta (sanh vật hay thật vật) được hiểu là chân thật; saṅkhatam cetayitam (được tạo tác thành do bởi tâm tư) hiểu là hữu vi tư lương.

dị luận, kiến lập chánh luận, ở trong chúng ngoại đạo rống lên tiếng rống sư tử rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, đem cuộc đàm luận với ngoại đạo thuật lại hết lên Thế Tôn.

Phật bảo gia chủ Cấp Cô Độc:

“Lành thay! Lành thay! Hãy nên tùy lúc hàng phục các ngoại đạo ngu si, kiến lập chánh luận.”

Phật nói kinh này xong, gia chủ Cấp Cô Độc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ đánh lễ mà lui.

**
*

KINH 969. TRƯỜNG TRẢO⁷⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có tu sĩ ngoại đạo là Trường Trao⁷⁶ đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, tôi không chấp nhận mọi sở kiến⁷⁷.”

Phật bảo:

“Này Hỏa chủng⁷⁸, ông nói không chấp nhận mọi sở kiến, vậy sở kiến này cũng chẳng chấp nhận luôn chẳng?”

Trường Trao ngoại đạo nói:

“Đã nói không chấp nhận mọi sở kiến thì cái sở kiến này cũng không chấp nhận.”

Phật bảo Hỏa chủng:

“Biết như vậy, thấy như vậy thì sở kiến này đã đoạn, đã xả, đã lìa, các sở kiến khác không còn tương tục, không khởi, không sanh. Này Hỏa chủng, nhiều người có cùng sở kiến như ông. Nhiều người

⁷⁵. Móng tay dài. Pāli, M.47. Dīghanakha-suttanta. Skt. Dīrghāṅkha (Píchel). Biệt dịch, N^o100(203).

⁷⁶. Trường Trao 長爪. Pāli: Dīghanakha, tu sĩ để móng tay dài.

⁷⁷. Nhất thiết kiến bất nhẫn 一切見不忍. Các bản Tống-Nguyên-Minh không có chữ kiến. Pāli: sabbaṃ me na khamatī, “Tôi không công nhận tất cả”. Phát biểu của chủ nghĩa hoài nghi, không tin bất cứ điều gì.

⁷⁸. Hỏa chủng 火種. Pāli: Aggivessana.

cũng thấy như vậy, nói như vậy, ông cùng với họ giống nhau. Nay Hỏa chủng, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào xả bỏ các kiến chấp kia, các kiến chấp khác không khởi, thì hàng Sa-môn, Bà-la-môn này rất ít có ở thế gian.

“Nay Hỏa chủng, y cứ vào ba loại kiến. Những gì là ba? Có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi chấp nhận tất cả.’ Lại có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi không chấp nhận tất cả.’ Lại có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.’

“Nay Hỏa chủng, nếu chủ trương chấp nhận tất cả, kiến chấp này cùng sanh với tham, chẳng phải không tham; cùng sanh với nhuế, chẳng phải không nhuế; cùng sanh với si, chẳng phải không si; ràng buộc, chẳng lìa ràng buộc; phiền não, chẳng thanh tịnh; ái lạc, chấp thủ, nhiễm trước sanh. Hay nếu có kiến chấp như vậy: ‘Ta không chấp nhận tất cả’, kiến chấp này chẳng cùng sanh với tham, chẳng cùng sanh với nhuế, chẳng cùng sanh với si; thanh tịnh, không phiền não; lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; không ái lạc, không chấp thủ, không nhiễm trước sanh. Nay Hỏa chủng, hay nếu có kiến chấp như vậy: ‘Ta chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần’; vậy nếu chấp nhận thì câu hữu với tham,... *cho đến* sanh nhiễm trước; còn nếu không chấp nhận thì ly tham... *cho đến* không sanh nhiễm trước. Đa văn Thánh đệ tử kia nên học: ‘Nếu ta thấy như vậy, nói như vậy: ‘Ta chấp nhận tất cả’, sẽ bị hai hạng người chê trách và cật vấn. Những gì là hai? Người không chấp nhận tất cả và người một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận. Họ sẽ bị hai hạng người này chê trách. Vì bị chê trách nên bị cật vấn. Vì bị cật vấn nên bị hại. Kiến chấp kia vì bị chê trách, bị cật vấn, bị phá hại nên họ xả bỏ kiến chấp đó, còn những kiến chấp khác thì không còn sanh trở lại. Cũng vậy đoạn kiến, xả kiến, ly kiến, các kiến khác, không còn tương tục, không khởi, không sanh.

“Đa văn Thánh đệ tử kia nên học như vậy: ‘Nếu ta thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tất cả không chấp nhận’, sẽ bị hai hạng người chê trách và hai hạng người cật vấn. Những gì là hai? Người chấp nhận tất cả và người một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận. Hai hạng người chê trách và cật vấn như vậy, ‘... *cho đến* không tương tục, không khởi, không sanh.’

“Đa văn Thánh đệ tử kia nên học như vậy: ‘Nếu ta thấy như vậy, nói như vậy: ‘Ta một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận’, sẽ bị hai hạng người chê trách, hai hạng người cất vấn. Những gì là hai? Là người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Ta chấp nhận tất cả và không chấp nhận tất cả’. Hai trường hợp bị trách như vậy, ‘... cho đến không tương tục, không khởi, không sanh.’

“Lại nữa, Hỏa chủng, thân có sắc gồm bốn đại thô kệch như vậy, Thánh đệ tử nên quán vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả. Nếu Thánh đệ tử sống mà luôn quán vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả, thì sống đối thân kia sự tham dục thuộc về thân, sự nhớ tưởng về thân, cảm thọ về thân, sự nhiễm về thân, sự đắm trước về thân vĩnh viễn diệt trừ không còn.

“Này Hỏa chủng, có ba thứ cảm thọ. Đó là khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ. Ba thứ cảm thọ này cần có nhân gì, tập gì, sanh gì, chuyển gì? Ba cảm thọ này cần có xúc là nhân, do xúc tập, xúc sanh, xúc chuyển. Mỗi mỗi xúc tập khởi, thọ tập khởi; mỗi mỗi xúc diệt tận, thọ diệt tận; vắng lặng, trong mát, vĩnh viễn hết sạch. Người kia đối với ba thọ này, biết rõ khổ, biết rõ lạc, biết rõ không khổ không lạc; biết như thật mỗi mỗi thọ hoặc tập khởi, hoặc diệt tận, hoặc vị ngọt, hoặc tai hại, hoặc xuất ly. Khi đã biết như thật rồi, đối những thọ ấy liền quán sát vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả bỏ. Người ấy ngay nơi toàn thân mình biết như thật các cảm thọ, nơi toàn phần sanh mạng mình biết như thật các cảm thọ. Nếu người ấy sau khi thân hoại, mạng chung, ngay lúc ấy các thọ hoàn toàn chấm dứt, không còn gì nữa. Bấy giờ, người ấy nghĩ rằng: ‘Lúc biết rõ cảm thọ lạc thì thân mình cũng hoại, lúc biết rõ cảm thọ khổ, thì thân mình cũng hoại, ngay lúc biết rõ cảm thọ chẳng lạc chẳng khổ, thì thân mình cũng hoại, thấy đều thoát khổ. Đối với cái cảm thọ lạc kia là ràng buộc, chẳng ràng buộc; đối với cái cảm thọ khổ kia là ràng buộc, chẳng ràng buộc; đối với cái cảm thọ chẳng lạc chẳng khổ kia, là ràng buộc, chẳng bị ràng buộc. Là ràng buộc gì? Là tham dục, sân nhuế, ngu si; là sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não’. Ta nói những điều này gọi là là khổ.”

Vào lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất vừa mới thọ giới cụ túc

nửa tháng, Tôn giả đang cầm quạt đứng sau hầu Phật. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất tự nghĩ: ‘Thế Tôn đã khen ngợi nói ở nơi pháp này, pháp kia mà đoạn dục, ly dục, diệt tận dục, xả dục.’ Tôn giả Xá-lợi-phất đối với từng pháp này quán sát vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả bỏ, không khởi các lậu, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, xuất gia ngoại đạo Trường Trảo xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Ông thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp, thâm nhập pháp, thoát khỏi các nghi hoặc, không do người khác độ, vào trong Chánh pháp luật, được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ Phật và chấp tay bạch Phật:

“Con xin được xuất gia thọ giới cụ túc ở trong Chánh pháp luật, ở trong Phật pháp tu các phạm hạnh.”

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Trường Trảo:

“Ông được xuất gia thọ cụ túc trở thành Tỳ-kheo, ở trong Chánh pháp luật.”

Được xuất gia trở thành thiện lai Tỳ-kheo. Ông suy nghĩ lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà... *cho đến* tâm thiện giải thoát đắc A-la-hán.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Trường Trảo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



TẬP A-HÀM QUYỂN 35

KINH 970. XÁ-LA-BỘ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Xá-la-bộ² ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà³; giữa đồ chúng của mình, tự tuyên bố như vậy: “Pháp của Sa-môn họ Thích; ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết.”

Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Vương xá khát thực, nghe ngoại đạo tên Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng mình tuyên bố như vậy: “Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết.” Sau khi nghe những lời này, khát thực rồi họ trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng nay chúng con đắp y, mang bát vào thành Vương xá khát thực, nghe xuất gia ngoại đạo tên là Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng của mình tuyên bố như vậy: ‘Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp luật kia nhưng buông bỏ hết’. Lành thay! Xin Thế Tôn vì thương xót Xá-la-bộ, mà đích thân đến bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Vào buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài đến chỗ Xá-la-bộ bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Xuất gia ngoại đạo Xá-la-bộ từ xa trông thấy Thế Tôn đến, lo sửa soạn chỗ ngồi, thỉnh Phật ngồi. Sau khi Thế Tôn an tọa, Ngài nói với Xá-la-bộ:

“Ông có thật nói như vậy: ‘Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết

¹. Pāli, A.3.64. Sarabha. Skt. Śarabha (Píchel). Biệt dịch, N0 100(204).

². Xá-la-bộ 舍羅步. Pāli: Sarabha, một tu sĩ ngoại đạo từng xuất gia theo Phật. Sau đó xả giới, trở về đạo cũ.

³. Tu-ma-kiệt-đà 須摩竭陀池. Pāli: ? Cf. A.3.64: acirapakkanto hoti imasmā dhamma-vinayā, từ bỏ Pháp luật này chưa bao lâu (xả giới hoàn tục).

hết. Sau khi đã biết hết rồi, ta buông bỏ hết không’?”

Lúc ấy, Xá-la-bộ im lặng không đáp.

Phật bảo Xá-la-bộ:

“Ông nay nên nói. Vì sao im lặng? Nếu sự hiểu biết của ông đầy đủ thì Ta sẽ tùy hỷ. Nếu sự hiểu biết của ông chưa đầy đủ, thì Ta sẽ giúp cho ông đầy đủ.”

Xá-la-bộ vẫn im lặng. Nói như vậy hai, ba lần, nhưng cả ba lần cũng vẫn giữ im lặng. Lúc ấy, Xá-la-bộ có một đệ tử phạm hạnh bạch Xá-la-bộ rằng:

“Thưa thầy, ý ra thầy nên đi đến Sa-môn Cù-đàm trình bày tri kiến của mình. Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đã tự đến đây, vì sao thầy không nói? Sa-môn Cù-đàm lại nói với thầy: ‘Nếu đầy đủ thì Ngài sẽ tùy hỷ. Nếu không đầy đủ Ngài sẽ giúp cho đầy đủ’. Vì sao thầy im lặng mà không nói?”

Khi người đệ tử phạm hạnh khuyên, ông vẫn làm thinh. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-la-bộ:

“Nếu có người nói: ‘Sa-môn Cù-đàm không phải là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác’. Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Khi được khéo can gián, khéo cật vấn, người kia sẽ nói lảng qua những việc khác; hoặc phẫn nộ, kiêu mạn, ôm hận, phẫn hận, chống đối, không chấp nhận, không có cách gì tỏ bày; hoặc im lặng xấu hổ cúi đầu, âm thầm tự nghĩ, tự xét; như Xá-la-bộ hôm nay.

Hoặc lại có người nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm không có⁴ Chánh pháp luật’. Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Người kia cũng ngồi im như ông hôm nay.

“Hay lại có người nói: ‘Đệ tử⁵ nào của Sa-môn Cù-đàm không phải là bậc thiện hướng⁶’. Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Người kia cũng ngồi im như ông hôm nay.”

Bấy giờ, Thế Tôn ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà rống lên tiếng rống sư tử, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Lúc ấy, đệ tử phạm hạnh của Xá-la-bộ nói với Xá-la-bộ:

⁴ Bản Hán: *phi-vô*, phủ định kép. Dư chữ *vô*, lược bỏ.

⁵ Bản Hán: Thanh văn 聲文.

⁶ Thiện hướng 善向, hay chánh hành, người đang hướng thẳng đến giải thoát.

“Giống như trâu bị cắt đi hai cái sừng, nhốt vào trong chuồng trâu trống, nó quỳ xuống đất rống to. Thầy cũng như vậy, ở trong chúng không có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thì làm sư tử rống.

“Giống như người con gái muốn nói giọng đàn ông, nhưng khi phát ra tiếng, thì liền là tiếng đàn bà. Thầy cũng như vậy, ở trong chúng không có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thì làm sư tử rống.

“Giống như con dã can muốn kêu tiếng chồn, như khi phát ra tiếng thì vẫn là tiếng dã can. Thầy cũng như vậy, lúc không có Sa-môn Cù-đàm thì thầy ở giữa chúng đệ tử của mình muốn làm sư tử rống.”

Sau khi đệ tử phạm hạnh của Xá-la-bộ ở trước Xá-la-bộ nói ra những lời trách cứ, hủy báng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi.

**
*

KINH 971. THƯỢNG TỌA⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà trong thành Vương xá, có xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa⁸ đang ở cạnh hồ này, ông ở trong chúng của mình tự nói như vậy: “Tôi nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.”

Sáng sớm hôm ấy, có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khát thực, nghe có xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa ở cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, vị này ở trong chúng của mình tự nói như vậy: “Tôi nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.” Các Tỳ-kheo khát thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm các Tỳ-kheo chúng con vào thành khát thực, nghe xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa ở cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng của mình tự nói như vậy: ‘Tôi nói một bài kệ,

⁷ Pāli, không thấy tương đương. Skt. Parivrājakasthavira (Pīchel). Biệt dịch, N^o100(205).

⁸ Danh Thượng Tọa 名上坐. Skt. Parivrājaka-Sthavira.

nếu ai đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.’ Xin Thế Tôn vì thương xót nên đích thân đến ông ấy.”

Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài đến cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Khi xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa từ xa trông thấy Thế Tôn, liền trải chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa, Thế Tôn ngồi xong, bảo xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa rằng:

“Có thật ông đã nói những lời như vậy: ‘Tôi nói một bài kệ, nếu ai đáp được, thì tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh’ chăng? Bây giờ ông hãy nói kệ, Ta có thể đáp lại.”

Lúc ấy, ngoại đạo kia chất giường dây⁹ lên thành chỗ ngồi cao, tự mình lên đó ngồi và nói kệ:

*Tỳ-kheo sống đúng pháp,
Không khùng bố chúng sanh,
Ý lặng, hành xả ly,
Trì giới thuận đình chỉ.*

Bấy giờ, Thế Tôn biết rõ tâm ngoại đạo Thượng Tọa này, Ngài liền nói kệ:

*Nếu ông tự hành theo
Những gì kệ ông nói;
Đối với ông, Ta sẽ
Xem như người Hiền thiện.
Xét những gì ông nói,
Nói, làm không tương ứng.
Người giữ gìn tịnh giới:
Tĩnh lặng, tự điều phục;
Chớ khùng bố chúng sanh;
Ý tĩnh lặng, xa lìa.
Thuận điều phục, tĩnh lặng;
Tâm, miệng, thân là ác.
Khéo nhiếp nơi trụ xứ,
Không để cho phóng dật:
Đây gọi là tùy thuận,
Điều phục và tĩnh lặng.*

⁹ Hán: thẳng sàng 繩床.

Khi ấy, xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Liên từ trên chỗ ngồi bước xuống, chấp tay bạch Phật:

“Nay con có thể xuất gia thọ cụ túc, trở thành pháp Tỳ-kheo, ở nơi Chánh pháp luật không?”

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa:

“Nay ông có thể xuất gia thọ cụ túc, trở thành Tỳ-kheo, ở nơi Chánh pháp luật.”

Sau khi xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa đã xuất gia và trở thành Tỳ-kheo rồi, tự suy nghĩ về lý do khiến cho người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà,... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

**
*

KINH 972. TAM ĐẾ¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ có nhiều tu sĩ Bà-la-môn ở cạnh ao Tu-ma-kiệt-đà, tập hợp lại một chỗ bàn luận như vậy: “Chân đế của Bà-la-môn như vậy¹¹. Chân đế của Bà-la-môn như vậy.”

Bấy giờ Thế Tôn biết tâm niệm của các xuất gia Bà-la-môn kia, Ngài đi đến bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Lúc ấy, các xuất gia Bà-la-môn từ xa trông thấy Đức Phật đang đến, liền vì Phật sửa soạn chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa. Phật ngồi vào chỗ ngồi xong, bảo các xuất gia Bà-la-môn:

“Các ông tụ tập ở bờ ao Tu-ma-kiệt-đà này, để bàn luận những gì?”

Xuất gia Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, các tu sĩ Bà-la-môn chúng tôi tập hợp nơi đây bàn luận như vậy: ‘Chân đế của Bà-la-môn như vậy. Chân đế của Bà-la-môn như vậy’.”

¹⁰. Ba sự thực. Pāli, A.4.185. Brāhmaṇa-sacca. Skt. Brāhmaṇa-satyāni (Píchel). Biệt dịch, N^o100(206), N^o125(26.8).

¹¹. Pāli: itipi bhāhmaṇasaccāni, đây là những chân lý của Bà-la-môn.

Phật bảo các xuất gia Bà-la-môn:

“Có ba chân đế của Bà-la-môn¹² mà Ta đã tự mình giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, lại vì người diễn nói. Xuất gia Bà-la-môn các ông nói như vậy: ‘Không hại tất cả chúng sanh.’ Đó là chân đế của Bà-la-môn, chẳng phải hư dối. Họ nói với nhau rằng: ‘Ta hơn, rằng ta bằng, rằng ta kém’¹³.’ Nếu đối với chân đế kia không bị trói buộc, đấm trước và đối với tất cả thế gian biểu hiện lòng từ, đó gọi là chân đế thứ nhất của Bà-la-môn, mà Ta đã tự giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác và vì người diễn nói.

“Lại nữa, Bà-la-môn nói như vậy: ‘Những gì là pháp tập khởi¹⁴ đều là diệt pháp.’ Đó là chân đế, chẳng phải là hư vọng... *cho đến* đối với chân đế này chẳng chấp trước và đối với tất cả thế gian quán sát sanh diệt. Đó gọi là chân đế thứ hai của Bà-la-môn.

“Lại nữa, Bà-la-môn nói vậy: ‘Không có ta bất cứ ở đâu, bất cứ sự gì, hoàn toàn không có gì. Không có ta bất cứ ở đâu, bất cứ sự gì, hoàn toàn không có gì’¹⁵.’ Đó là chân đế, chẳng phải hư vọng, như trước đã nói,... *cho đến* đối với chân đế kia không bị trói đấm và đối với tất cả thế gian vô ngã như nhau. Đó gọi là chân đế thứ ba của Bà-la-môn, Ta đã tự giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác và vì người diễn nói.”

Bấy giờ các xuất gia Bà-la-môn đều ngồi yên im lặng. Thế Tôn nghĩ rằng: “Hôm nay Ta soi sáng sự ngu si của họ, tiêu diệt điều ác của họ, nhưng hiện tại trong chúng này không có một người có khả năng tự

¹². Bản Pāli: cattārimāni brāhmaṇasaccāni, đây là bốn chân lý của Bà-la-môn.

¹³. Bản Pāli: so tena na samaṇo ti maññati,... na seyyoham asmīti maññati, na sadisoḥam asmīti maññati... api ca yadeva tattha saccaṃ anuddayāya anukampāya paṭipanno hoti: vị ấy vì vậy không nghĩ rằng mình là Sa-môn... không nghĩ rằng ta hơn, ta bằng... Lại nữa do nhận thức chính xác chân lý ở đây mà vị ấy thực hành lòng thương yêu, thương xót đối với các chúng sanh.

¹⁴. Tập pháp 集法. Bản Pāli, gồm hai chân đế: sabbe kāmā aniccā... sabbe bhavā aniccā..., tất cả dục là vô thường... tất cả sự hữu là vô thường.

¹⁵. Hán: Vô ngã xứ sở cập sự đô vô sở hữu 無我處所及事都無所有. Tham chiếu Pāli: nāham kvaṇi kassaci kiñcana tasmim na ca mama kvaṇi katthaci kiñcanatathī ti: “Ta không là ai, của bất cứ ai, là bất cứ cái gì. Trong đó, không có bất cứ ai, bất cứ ở đâu, bất cứ cái gì, là của ta”.